

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 284 /UBND-VX  
V/v lấy ý kiến dự thảo Đề án đặt tên mới  
36 tuyến đường trên địa bàn TP Trà Vinh

TP. Trà Vinh, ngày 07 tháng 02 năm 2023

Kính gửi:

- Thủ trưởng các Ban ngành đoàn thể thành phố;
- Chủ tịch UBND phường, xã.

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng và Thông tư số 36/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 82/UBND-KGVX ngày 09/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy;

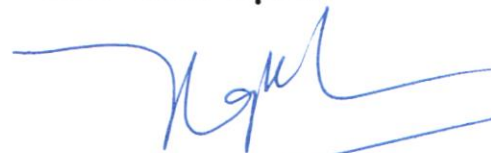
Nhằm để thông qua Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng tỉnh Trà Vinh theo quy định; Chủ tịch UBND thành phố gửi dự thảo Đề án đặt mới 36 tên tuyến đường thuộc địa bàn thành phố Trà Vinh, kính đề nghị Thủ trưởng các Ban ngành đoàn thể thành phố lấy ý kiến CBCC trong đơn vị đóng góp nội dung dự thảo Đề án đặt tên đường phố; Chủ tịch UBND phường, xã tổ chức triển khai lấy ý kiến trong nhân dân trên địa bàn quản lý, mỗi phường - xã 40 phiếu, (trong đó ý kiến đóng góp của CBCC, ban ngành đoàn thể phường 05 phiếu, cán bộ hưu trí 15 phiếu, còn lại trong nhân dân 20 phiếu, đính kèm mẫu Biên bản và phiếu lấy ý kiến).

Báo cáo kết quả lấy ý kiến đóng góp và biên bản của các đơn vị gửi về UBND thành phố Trà Vinh (qua Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố) **đến hết ngày 09/02/2023** để tổng hợp trình Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Trà Vinh theo quy định. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND TP;
- Phòng VHTT TP;
- BLD VP, đ/c Nhiều;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Ngọc Nhi**

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY Ý KIẾN ĐÓNG GÓP**  
**ĐỀ ÁN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH**  
*(đính kèm Công văn số 284/UBND-VX ngày 07/02/2023 của UBND thành phố)*

STT	Tên đơn vị lấy ý kiến đóng góp	Số phiếu	Ghi chú
01	Ban Dân vận Thành ủy	01	Lấy ý kiến CBCC trong đơn vị
02	Ủy ban MTTQVN thành phố	01	Lấy ý kiến CBCC trong đơn vị
03	Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố	01	Lấy ý kiến CBCC trong đơn vị
04	Hội Nông dân thành phố	01	Lấy ý kiến CBCC trong đơn vị
05	Hội Cựu Chiến Binh thành phố	01	Lấy ý kiến CBCC trong đơn vị
06	Thành đoàn Trà Vinh	01	Lấy ý kiến CBCC trong đơn vị
07	Liên đoàn Lao động thành phố	01	Lấy ý kiến CBCC trong đơn vị
08	UBND phường 1	40	Lấy ý kiến CBCC, đoàn thể, cán bộ hưu trí và nhân dân
09	UBND phường 2	40	Lấy ý kiến CBCC, đoàn thể, cán bộ hưu trí và nhân dân
10	UBND phường 3	40	Lấy ý kiến CBCC, đoàn thể, cán bộ hưu trí và nhân dân
11	UBND phường 4	40	Lấy ý kiến CBCC, đoàn thể, cán bộ hưu trí và nhân dân
12	UBND phường 5	40	Lấy ý kiến CBCC, đoàn thể, cán bộ hưu trí và nhân dân
13	UBND phường 6	40	Lấy ý kiến CBCC, đoàn thể, cán bộ hưu trí và nhân dân
14	UBND phường 7	40	Lấy ý kiến CBCC, đoàn thể, cán bộ hưu trí và nhân dân
15	UBND phường 8	40	Lấy ý kiến CBCC, đoàn thể, cán bộ hưu trí và nhân dân
16	UBND phường 9	40	Lấy ý kiến CBCC, đoàn thể, cán bộ hưu trí và nhân dân
17	UBND xã Long Đức	40	Lấy ý kiến CBCC, đoàn thể, cán bộ hưu trí và nhân dân

TP. Trà Vinh, ngày..... tháng..... năm 2023

**BIÊN BẢN**  
**Họp xin ý kiến nhân dân dự thảo**  
**Đề án đặt 36 tên đường trên địa bàn thành phố**

Hôm nay vào lúc .... giờ .... phút ngày..../...../2023, tại Ủy ban nhân dân Phường, xã ..... tổ chức họp lấy ý kiến Nhân dân dự thảo Đề án đặt 36 tên đường trên địa bàn thành phố.

**I. Thành phần tham dự**

1. Ông (Bà) ....., Chức vụ:..... - Chủ trì cuộc họp
2. Ông (Bà) ....., Chức vụ.....- Thư ký.
4. Đại diện 40 hộ dân trên địa bàn Phường, xã: .....

**II. Nội dung**

1. Ông (Bà) ..... - Chủ trì cuộc họp thông qua mục đích việc tổ chức cuộc họp.

Căn cứ Công văn số 82/UBND-KGVX ngày 09/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy.

Căn cứ Công văn số 586-CV/BCSD ngày 19/12/2022 của Ban Cán sự Đảng về việc xin ý kiến thực hiện đặt tên cầu, đường.

Triển khai Công văn số 758/SVHTTDL-QLVHDL ngày 05/8/2021 của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về góp ý dự thảo Đề án đặt tên đường trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

Chủ tịch UBND thành phố yêu cầu Chủ tịch UBND phường, xã tổ chức lấy ý kiến nhân dân dự thảo Đề án đặt tên đường trên địa bàn thành phố (số lượng 36 tên đường) (kèm phiếu lấy ý kiến).

**\* Ý kiến:**

- Tập thể thống nhất chọn 01 phương án được đưa ra, không có ý kiến khác.

**III. Kết luận**

Hội nghị thống nhất chọn 01 phương án đã được đề xuất, không có ý kiến khác.

- Giao đ/c Thư ký cuộc họp tổng hợp Phiếu lấy ý kiến và gửi về Phòng Văn hóa đúng quy định.

Cuộc họp kết thúc vào lúc .... giờ .... phút cùng ngày.

**Thư ký**

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN**  
**Các tuyến đường dự kiến đặt tên**

TT	Tuyến đường hiện hữu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng lòng đường (m)	Lộ giới quy hoạch mở rộng (m)	Kết cấu mặt đường	Tên đường dự kiến đặt mới	Đồng ý	Không đồng ý
1.	Đường nội bộ Ao Bà Om (Khóm 4 - Phường 8)	Võ Nguyên Giáp	Nguyễn Du (công Ao Bà Om + giáp nhà nghỉ Thanh Trúc)	1856	6		Nhựa	<b>Đường Ao Bà Om</b>		
2.	Nguyễn Đáng	Ngã tư Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu Sóc Thác	3675	6	21	Nhựa	<b>Nguyễn Đáng</b>		
3.	Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Văn Kiệt	365	7	17	Nhựa	<b>Trần Phú</b>		
4.	Đường vào khu tái định cư phường 1	Võ Văn Kiệt (ngã tư Võ Văn Kiệt- Ngô Quốc Trị)	Cuối đường	338	7		Nhựa	<b>Ngô Quốc Trị</b>		
5.	Lê Văn Tám	Nguyễn Chí Thanh	Đồng Khởi	365	6	34	Nhựa	<b>Lê Văn Tám</b>		

TT	Tuyến đường hiện hữu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng lòng đường (m)	Lộ giới quy hoạch mở rộng (m)	Kết cấu mặt đường	Tên đường dự kiến đặt mới	Đồng ý	Không đồng ý
6.	Đường D1	Trương Văn Kinh	Ngô Quốc Trị (nối dài)	424	9	2 x 2.5	Nhựa	<b>Nguyễn Thị Định</b>		
7.	Đường vào chợ phường 1	Lê Lợi	Bạch Đằng	500	6	-	Nhựa	<b>Lê Lai</b>		
8.	Đường Đài truyền hình	Lê lợi	Cuối đường (dự kiến đầu nối đường Ngô Quyền nối dài)	285	7	2 x 3	Nhựa	<b>Trần Văn Long</b>		
9.	Đường bên hông Sở Nông nghiệp	Phạm Ngũ Lão	Cuối đường (dự kiến đầu nối đường Ngô Quyền nối dài)	317	7	1 x 2.5	Nhựa	<b>Lưu Hữu Phước</b>		
10.	Tuyến B	19/5	Trương Văn Kinh	407,71	6	2 x 1.5	Nhựa nóng	<b>Nguyễn Hữu Tiến</b>		
11.	Tuyến 2B	Võ Văn Kiệt	Giáp hèm sau Công viên trung tâm	488,28	6	2 x 1.5		<b>Lâm Văn Vững</b>		
12.	Đường làng nghề phường 4	Chu Văn An	Bạch Đằng (Xây lắp xàng cũ)	1970	3.5 - 5		Nhựa	<b>Lương Định Cửa</b>		
13.	Đường trường chuyên	Chu Văn An	Trường Lương Định Cửa	590	6		Nhựa	<b>Thủ Khoa Huân</b>		

TT	Tuyến đường hiện hữu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng lòng đường (m)	Lộ giới quy hoạch mở rộng (m)	Kết cấu mặt đường	Tên đường dự kiến đặt mới	Đồng ý	Không đồng ý
14.	Tái định cư p4	Chu văn An( Đối diện đường làng nghề)	Cuối đường kênh cầu treo	346	6		Nhựa	<b>Nguyễn Duy Trinh</b>		
15.	Hẻm cơ động	Dương Quang Đông	Đường D5	290	5		Nhựa	<b>Văn Cao</b>		
16.	Đường D5	Đường Hùng Vương	Kênh Đép Thạch	1.423	6	-	Nhựa	<b>Trần Văn Giàu</b>		
17.	Đường Hẻm số 1	Vựa cù tràm 2 Nghĩa	Giáp hẻm	336,71	5.5 - 6	-	Nhựa	<b>Trần Quốc Thảo</b>		
18.	Đường hẻm số 2	Dương Quang Động	Hẻm 71	841	6	-	Nhựa	<b>Đặng Thai Mai</b>		
19.	Đường Đại đội Trinh sát	Võ Nguyên Giáp	Cuối đường( hướng mở đường nối dài ra đường sau trung tâm hội nghị)	265	5,5		Nhựa	<b>Trần Văn Khê</b>		
20.	Đường hậu cần CA tỉnh (hẻm 16)	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Văn Kiệt	503	6	2 x 1.5	Nhựa	<b>Võ Văn Tấn</b>		
21.	Đường hẻm số 17 (Sau trường Hướng Dương)	Nguyễn Đáng	Giáp đường Hậu cần CA tỉnh)	426	6	-	Nhựa	<b>Tôn Thất Tùng</b>		

TT	Tuyến đường hiện hữu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng lòng đường (m)	Lộ giới quy hoạch mở rộng (m)	Kết cấu mặt đường	Tên đường dự kiến đặt mới	Đồng ý	Không đồng ý
22.	Hẻm Agribank (Khóm 6 - Phường 8)	Lê Văn Tám	Lê Hồng Phong	552	5		Nhựa	<b>Lê Văn Đẹt (Bảy Hiện)</b>		
23.	Đường hẻm số 4 (Khóm 8 - Phường 8)	Sơn Vọng	Lê Văn Tám (trường phường 8A)	895	6	-	Nhựa	<b>Huỳnh Văn Quởn (Ba Quởn)</b>		
24.	Hẻm (Lý Sơn Xây)	Sơn Vọng	Hẻm số 2 Lia's 16 (nối Sơn Thông)	520	6-4		Nhựa	<b>Lâm Sắc</b>		
25.	Đường số 2 (Khóm 7 - Phường 8)	Đường Sơn Vọng	Giáp chùa Pháp Quang	838,30	6	-	Nhựa	<b>Phạm Ngọc Thảo</b>		
26.	Đường Lias khóm 5, phường 8	Nguyễn Du (nhà nghỉ Hồng Huỳnh)	Thầy Muôn (giáp QL 60) (có đoạn đal rộng 5m dài 100m)	520	6	-	Nhựa	<b>Viễn Châu</b>		
27.	Đường số 1	Lê Văn Tám (chợ Lương Hòa)	Giáp đường hẻm số 2	536,80	6	-	Nhựa	<b>Hoàng Quốc Việt</b>		
28.	Đường hẻm trường Tiểu học (đối diện công chùa Diệp Thạch)	Nguyễn Chí Thanh	Đồng Khởi	392,64	5	-	Nhựa	<b>Đoàn Công Chánh</b>		
29.	Tuyến số 1	Nguyễn Đáng	Lê Văn Tám	3000	9	2 x 5	Nhựa	<b>Phạm Hùng</b>		
30.	Đường hẻm trại cưa	Nguyễn Chí	Đồng Khởi	284,40	5	-	Nhựa	<b>Hồ Đức Thắng</b>		



TT	Tuyến đường hiện hữu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng lòng đường (m)	Lộ giới quy hoạch mở rộng (m)	Kết cấu mặt đường	Tên đường dự kiến đặt mới	Đồng ý	Không đồng ý
		Thanh								
31.	Đường chợ p9	Nguyễn Chí Thanh	Cầu TW Đoàn	900	5		Nhựa	Nguyễn Viết Xuân		
32.	Đường hẻm đối diện nghĩa địa Điệp Thạch (Khóm 1 - Phường 9)	Nguyễn Chí Thanh	Đồng Khởi	285,67	5	-	Nhựa	Lê Văn Vĩnh		
33.	Đường hẻm Quận Nhuận (Khóm 1 - Phường 9)	Nguyễn Chí Thanh	Đồng Khởi	265,75	5	-	Nhựa	Lê Thanh Mừng		
34.	Đường 135 (Khóm 5 - Phường 9)	Lê Văn Tám	Cuối đường (giáp kênh)	510	3,5	2 x 1	Nhựa	Lâm Phái		
35	Đường Huệ Sanh	Cây xăng Phú Hòa	Giáp đường GTNT	2500	3.5		Nhựa	Nguyễn Thị Ráo		
36	Đường GTNT	Cầu Sóc rượng	Trương Văn Kinh	3053	3.5	1 x 2	Nhựa	Lê Văn Chử		

\* **Ghi chú:** - Đồng ý thì đánh dấu (X) vào cột đồng ý.  
 - Không đồng ý thì đánh dấu (X) vào cột không đồng ý.

Số: /ĐA-UBND

TP. Trà Vinh, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ ÁN  
ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

**PHẦN THỨ NHẤT  
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Thành phố Trà Vinh là tỉnh lỵ của tỉnh Trà Vinh, có diện tích tự nhiên 6.803,5 ha chiếm gần 3% diện tích của tỉnh. Nằm ở phía Nam sông Tiền; phía Bắc: giáp sông Cổ Chiên thuộc tỉnh Bến Tre; phía Tây Bắc: giáp huyện Càng Long; phía Đông và Đông Nam: giáp huyện Châu Thành; phía Nam: giáp huyện Châu Thành; phía Tây, Tây Nam: giáp huyện Châu Thành.

Thành phố Trà Vinh nằm trên Quốc lộ 53 cách thành phố Hồ Chí Minh 202 km và cách thành phố Cần Thơ 100 km, cách bờ biển Đông 40 km, với hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy khá hoàn chỉnh thuận tiện để phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và là vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh.

Với quan điểm phát triển nhanh và bền vững, thúc đẩy mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tận dụng cơ hội phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa-xã hội, bảo vệ môi trường. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với xây dựng quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Phát huy dân chủ gắn với giữ gìn kỷ cương, đổi mới công tác quản lý cán bộ, đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; thường xuyên quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế... không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Chính vì vậy, việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Trà Vinh là yêu cầu tất yếu trong sự phát triển của thành phố; góp phần thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hạ tầng giao thông, quản lý hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hoá - xã hội; Mặt khác, việc đặt tên đường là điều kiện cần thiết để tiếp tục khẳng định tôn vinh các giá trị lịch sử văn hóa dân tộc, tôn vinh các danh nhân văn hóa và cách mạng tiêu biểu của đất nước, của tỉnh Trà Vinh và thành phố Trà Vinh đã có nhiều công lao cống hiến hy sinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; việc đặt tên đường cũng góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hoá và cách mạng cho các thế hệ người dân thành phố Trà Vinh.

**II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

## **1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc Ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng;
- Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa Thông tin về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP;

## **2. Căn cứ tình hình thực tế**

Thành phố Trà Vinh hiện 112 tuyến đường với chiều dài 113,472 km, gồm 70 tuyến đường đã được đặt tên, 36 tuyến đường mới mở và nâng cấp đủ điều kiện đặt tên đường. Do đó việc đặt tên cho các tuyến đường là hết sức cần thiết, khách quan, phù hợp với việc quy hoạch phát triển đô thị của huyện trong những năm tới.

# **PHẦN THỨ HAI PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nhằm sắp xếp lại hệ thống tên đường trên địa bàn thành phố Trà Vinh phù hợp với quy hoạch chung xây dựng thành phố và phục vụ cho công tác quản lý, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang xây dựng đô thị trên địa bàn thành phố.

- Việc đặt tên đường, đổi tên đường và công trình công cộng nhằm góp phần thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa xã hội, đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương đất nước và lòng tự hào dân tộc.

- Việc đặt tên đường phải đảm bảo tính khoa học, chính xác và khách quan; phải đồng bộ; phải phù hợp văn hóa, lịch sử; phải xem xét các yếu tố ảnh hưởng tới quy hoạch đô thị trong thời gian ngắn hạn và dài hạn; phải tuân thủ đúng những nguyên tắc chung theo luật định, xây dựng những nguyên tắc riêng phù hợp với nguyên tắc chung cho địa phương.

## **II. NGUYÊN TẮC ĐẶT TÊN ĐƯỜNG**

### **1. Nguyên tắc chung**

Áp dụng quy tắc chung quy định tại Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc Ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2018 của Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn một số điều của Quy chế kèm theo Nghị định 91/2005/NĐ-CP, cụ thể:

- Chỉ sử dụng tên những người đã mất để đặt tên đường.
- Việc đặt mới và sửa đổi tên đường phải mang tính khoa học, lịch sử, văn hóa, ổn định lâu dài, thuận lợi cho công dân. Tên nhân vật, sự kiện, địa danh được chọn lựa đặt tên đường phải thực sự tiêu biểu, rõ ràng.
- Hạn chế tối đa việc xáo trộn, thay đổi tên đường, kể cả thay đổi tên đường đã đặt trước đây.
- Dựa vào tầm cỡ, công lao và sự nghiệp của các danh nhân để đặt sao cho phù hợp, tương xứng với chiều dài, lộ giới và vị trí tuyến đường, công trình công cộng được xây dựng.

## **2. Nguyên tắc cụ thể**

- Giữ sự ổn định đối với các tuyến đường hiện hữu đã có tên, chỉ đặt tên đối với các tuyến đường chưa có tên và các tuyến đường dự kiến mở mới theo quy hoạch.
- Tên các danh nhân lịch sử cùng thời hoặc cùng lĩnh vực hoạt động được nghiên cứu ưu tiên đặt gần nhau, tạo thành các cụm trên đường có liên quan.
- Tên nhân vật từng hoạt động lâu, hoặc sự kiện lịch sử gắn với nhân vật.
- Nhân vật lịch sử có nhiều tên gọi như: Tên húy, tên hiệu, tước hiệu, bút hiệu thì chỉ dùng một tên phổ biến nhất, đông đảo Nhân dân biết đến để đặt tên đường. Tránh việc trùng lặp đặt mới tên đường giữa các phường, xã trên địa bàn thành phố.
- Các địa danh lịch sử gắn với các sự kiện lịch sử, tên các địa danh là đơn vị hành chính xưa được nghiên cứu, ưu tiên đặt tên cho đường đi qua địa danh đó.
- Tên số thứ tự chỉ được dùng đặt những con đường ở khu cư xá, chung cư hoặc khu nhà nhiều tầng, các số phải sắp đặt theo thứ tự từ nhỏ đến lớn; theo hướng từ Bắc đến Nam, từ Đông sang Tây.
- Chỉ đặt một tên đối với đường dài và thông suốt, khi đường bị ngắt khúc bởi các giao lộ lớn hoặc vòng xoay thì đoạn kế tiếp được nghiên cứu đặt tên khác, và chỉ đổi tên đường khi đường cũ mang tên nhân vật không tiêu biểu, không có ý nghĩa lịch sử, văn hóa, có tên gọi của cùng một nhân vật, sự kiện...
- Ưu tiên sử dụng tên các nhân vật, sự kiện lịch sử - văn hóa có gắn bó với tỉnh, khu vực Nam Bộ để đặt tên đường.

## **3. Không dùng để đặt tên đường đối với các trường hợp**

- Tên các nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử chưa được xác định rõ ràng hoặc đang còn tranh cãi.

- Các tên không có ý nghĩa hoặc quá dung tục.

### **III. PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN CHO CÁC TUYẾN ĐƯỜNG (Đính kèm)**

### **IV. LÝ LỊCH CÁC DANH NHÂN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG (Đính kèm)**

## **PHẦN THỨ BA TRÌNH TỰ, THỦ TỤC**

### **1. Quá trình thực hiện**

- Tiến hành khảo sát, thu thập tài liệu, lập bản đồ hiện trạng giao thông, bản đồ quy hoạch và phát triển giao thông của thành phố; thống kê, mô tả những tuyến đường, công trình công cộng hiện có và các tuyến đường theo quy hoạch phát triển giao thông của thành phố Trà Vinh.

- Trên cơ sở các bảng thống kê và mô tả vị trí, quy mô, vai trò, đặc điểm, tên các tuyến đường hiện hữu, lập nội dung, thông tin liên quan đến các tên đường đã có, theo đó xem xét, đánh giá, đề xuất những tên đường cần giữ nguyên tên, đổi tên, đặt tên mới theo quy định.

- Lập danh mục dữ liệu tên đường cần đặt tên.

- Tổ chức xin ý kiến của tổ chức Đảng, đoàn thể, cơ quan chuyên môn, các nhà khoa học, Nhân dân các phường xã trên địa bàn thành phố. Công bố công khai phương án đặt tên trên Trang thông tin điện tử thành phố để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến.

- Hoàn thiện Đề án theo các ý kiến tham gia góp ý, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy xem xét cho ý kiến.

- Trình Hội đồng nhân dân thành phố Trà Vinh xem xét, thông qua.

- Trình Hội đồng Tư vấn đặt tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh thẩm định, xem xét báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án.

### **2. Thành phần hồ sơ**

Hồ sơ Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh gửi Hội đồng tư vấn tỉnh gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên đường;

- Đề án đặt tên đường trên địa bàn thành phố Trà Vinh;

- Báo cáo tổng hợp ý kiến của các tổ chức Đảng, đoàn thể, cơ quan chuyên môn, các xã phường và Nhân dân trên địa bàn thành phố Trà Vinh;

- Biên bản xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy;

- Tóm tắt ý nghĩa của tên danh nhân, sự kiện dự kiến đặt tên đường;
- Sơ đồ, vị trí các tuyến đường dự kiến đặt tên.

**3. Thời gian thực hiện:** Năm 2023.

#### **4. Phân công thực hiện**

##### **4.1. Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố**

- Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo đặt tên đường trên địa bàn thành phố.
- Phối hợp với các ngành chuyên môn của tỉnh nghiên cứu, đề xuất tên các nhân vật lịch sử, tên danh nhân, tên các phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng tiêu biểu của địa phương để đề xuất bổ sung ngân hàng dữ liệu phục vụ cho việc đặt tên đường phố (liên hệ sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan thường trực của Hội đồng tư vấn đặt tên đường của tỉnh).

- Xây dựng đề án, kế hoạch thực hiện, dự toán kinh phí công bố và gắn bảng tên đường, sau khi được UBND tỉnh thống nhất, trình HĐND tỉnh thông qua.

##### **4.2. Phòng Quản lý đô thị thành phố**

- Tổ chức khảo sát các tuyến đường dự kiến đặt tên đường.
- Lập bảng thống kê tên đường, in ấn hồ sơ bản vẽ hiện trạng giao thông và quy hoạch phát triển giao thông.

**4.3. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố:** Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin lập dự trù kinh phí thực hiện Đề án. Hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.

**4.4. Ủy ban nhân dân phường, xã:** Phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn phường, xã.

Trên đây là Đề án đặt tên đường trên địa bàn thành phố Trà Vinh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

## PHỤ LỤC II

### LÝ LỊCH CÁC DANH NHÂN ĐẶT TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG NỘI Ô THÀNH PHỐ TRÀ VINH

(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày / /20223 của UBND thành phố Trà Vinh)

#### 1. Đường Ao Bà Om

Ao Bà Om là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Trà Vinh cũng như cả khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Danh thắng này tọa lạc tại Phường 8, thành phố Trà Vinh, cách trung tâm tỉnh lỵ hơn 5 km về hướng tây nam và cách quốc lộ 53 hơn 500 m về hướng đông.

Toàn bộ diện tích Ao Bà Om rộng hơn 300 ha, bao gồm ba phần chính là ao, bờ ao và rừng cây cổ thụ bao quanh ao.

Có nhiều truyền thuyết, chuyện kể khác nhau tồn tại song song nhau lý giải tên gọi Ao Bà Om. Trong đó, truyền thuyết của đồng bào dân tộc Khmer có nhiều chi tiết thú vị và được phổ biến rộng rãi. Truyền thuyết này kể rằng:

... “Ngày xưa, người Khmer còn theo chế độ mẫu hệ nên nhà gái phải hỏi cưới và chịu toàn bộ phí tổn cưới xin cho nhà trai. Dần dần, chế độ phụ hệ hình thành nên phong tục cưới xin cũng thay đổi, nên xảy ra tranh chấp việc nhà gái hay nhà trai phải đi hỏi cưới. Để vừa giải quyết nguồn nước đảm bảo cuộc sống vừa giải quyết chuyện cưới xin duy trì nòi giống, phum sóc đặt ra cuộc thi đào ao giữa hai phái nam nữ, với thể lệ là cuộc thi diễn ra ban đêm, đến khi sao mai mọc quá ngọn cây là kết thúc.

Vào cuộc, cánh trai tráng cậy mình khỏe nên không vội vã, cứ nhậu nhẹt, nhảy múa đến tận khuya, rồi lăn ra ngủ. Cánh phụ nữ, dưới quyền chỉ huy của bà Om, biết mình sức yếu nên động viên nhau đào đắp thâu đêm. Giữa khuya, bà Om bày kế treo ngọn đèn gió lên cành cây. Cánh đàn ông đang say ngủ giật mình, mắt nhắm mắt mở, thấy ngọn đèn gió trên ngọn cây tưởng sao mai đã lên nên kéo nhau ra về, đúng như giao ước. Sáng ra, ao của phái nữ đã thành khoảnh, thẳng thớm, vuông vức và chứa đầy nước còn ao của phái nam thì nông choẹt, nham nhỡ, chẳng ra hình thù gì cả.

Cánh đàn ông không cách gì khác hơn phải nhận mình thua cuộc. Phong tục cưới xin truyền thống của dân tộc vẫn được duy trì và ao nước ngọt to lớn được hình thành giữa con giồng đất cát, đảm bảo cho cuộc sống con người sinh sôi, phát triển.

Để tưởng nhớ công lao của người đàn bà mưu trí, cộng đồng các dân tộc Trà Vinh lấy tên bà đặt thành tên ao – Ao Bà Om.”... Ao Bà Om được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hàng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, loại hình di tích Danh thắng, vào năm 1994.

#### 2. Nguyễn Đáng (1925 -1984)

Nguyễn Đáng, tên thường dùng là Năm Trung, sinh ngày 16/11/1925, tại ấp Giòng Bèn, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, hai cụ thân sinh là ông Nguyễn Văn Tý và bà Phạm Thị Huệ đều là tá điền.

Ông Nguyễn Đáng sinh ra trong cảnh gia đình nghèo túng, nhưng có tư chất thông minh, bản tính hiền lành, hào hiệp, hơn 10 tuổi đã phải đi ở cho địa chủ; vừa ở đợ, vừa theo học chữ ban đêm, Nguyễn Đáng rất ham học, đọc, viết nhanh. Năm 1944 được ông Năm Tý một Đảng viên cộng sản trong xã tuyên truyền giác ngộ, Nguyễn Đáng thấy được sự đàn áp, bóc lột của địa chủ, chuyển sang nghề đánh xe thuê, ông vừa làm liên lạc nắm tình hình địch để báo lại cho cơ sở; năm 1945, Nguyễn Đáng gia nhập Thanh niên Tiền phong tích cực luyện tập võ nghệ.

Ngày 25/8/1945 ông tham gia Thanh niên Tiền phong cùng với Nhân dân Huyện Hội nổi dậy giành chính quyền, khi chính quyền cách mạng được thành lập, ông được giao nhiệm vụ phụ trách đội Thanh niên cứu quốc xã Huyện Hội. Ông làm nòng cốt trong việc vận động thanh niên tham gia lực lượng vũ trang xây dựng một trung đội du kích, có khả năng đánh địch, Nguyễn Đáng đã lãnh đạo lực lượng vũ trang xã diệt trừ tê gian, chống lại các cuộc càn quét lấn chiếm của địch. Tháng 8/1947 đồng chí Nguyễn Đáng được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương (nay là Đảng cộng sản Việt Nam) giao nhiệm vụ xã Đội trưởng; Trưởng Công an xã Huyện Hội. Năm 1951 thực dân Pháp mở nhiều cuộc càn quét vào Huyện Hội, ông cùng lực lượng du kích đánh trả quyết liệt, đồng chí Nguyễn Đáng sa vào tay giặc, bị địch tra khảo, đánh đập dã man, không khai thác được gì, chúng giam tại Trà Vinh. Vào tù ông tiếp tục hoạt động trong chi bộ nhà tù; Sau 8 tháng ở tù, nhân cuộc nổi dậy phá khám ông cùng nhiều tù nhân trốn thoát về Huyện Hội hoạt động, bám đất diệt trừ tê gian. Tháng 5/1954, đồng chí Nguyễn Đáng cử làm Bí thư xã Huyện Hội; năm 1956 là Huyện ủy viên huyện Càng Long; năm 1959 Bí thư Huyện Càng Long. Đây là thời kỳ Mỹ Diệm ban hành luật phát xít 10/59 tiến hành “tố cộng, diệt cộng” lên máy chém đi khắp nơi; tháng 3/1961 đồng chí Nguyễn Đáng, Tỉnh ủy viên kiêm Chính trị viên Tỉnh đội, năm 1965 giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh; thời gian này, Mỹ ngụy tăng cường đánh phá ác liệt. Đồng chí Nguyễn Đáng ra sức hoạt động bám dân, bám đất, lãnh đạo quân dân Trà Vinh đấu tranh chính trị, binh vận, vũ trang, kiên quyết chống lại những cuộc càn quét. Với 3 mũi giáp công, quân dân Trà Vinh giải phóng được 2/3 đất đai trong tỉnh, giải phóng hoàn toàn quận lỵ Long Toàn (nay là huyện Duyên Hải), Trung ương tặng thưởng Huân chương Quân công hạng II, là tỉnh dẫn đầu các tỉnh miền Tây là 1 trong 3 tỉnh nổi bật nhất trên chiến trường B.2.

Xuân Mậu thân 1968, sau khi lực lượng tấn công thị xã Trà Vinh không dứt điểm, đồng chí chỉ đạo cho lực lượng vũ trang rút khỏi Thị xã, để lại một bộ phận lực lượng của tỉnh bám vùng ven. Sự chuyển hướng chỉ đạo đạt kết quả tốt, địch bị kìm chân ở Thị xã. Phong trào giải phóng vùng nông thôn phát triển mạnh, 3/4 dân số trong tỉnh được giải phóng; Trung ương tặng Huân chương Thành đồng hạng Nhất, lá cờ Tám chữ vàng “Toàn dân nổi dậy, đoàn kết lập công” cho quân dân Trà Vinh.

Cuối năm 1968 đến 1971 ông là Khu ủy viên khu Tây Nam bộ, giữ trọng trách Bí thư Tỉnh ủy Trà Ban binh vận hai tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long.

Năm 1977, Bí thư Tỉnh ủy Cửu Long. Ông là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V, liên tục 3 nhiệm kỳ tỉnh Đảng bộ Cửu Long giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

Sau con bệnh hiểm nghèo, ngày 8/4/1984 ông đã vĩnh biệt chúng ta.



Ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quyết thắng hạng Nhất; Huân chương Giải phóng hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Lao động quên mình do nhà nước Liên Xô trao tặng.

### 3. Trần Phú (1904-1931)

Đồng chí Trần Phú sinh ngày 01/5/1904, tại xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình hoạt động cách mạng của đồng chí Trần Phú bắt đầu từ những ngày còn ngồi trên ghế nhà trường tại Huế, sau đó là những năm tháng đứng trên bục giảng Trường tiểu học Cao Xuân Dục, những hoạt động trong Hội Hưng Nam, Tân Việt cách mạng Đảng và Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Ở Quảng Châu (Trung Quốc), đồng chí Trần Phú đã gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, chọn lý tưởng cộng sản làm mục tiêu của đời mình và công hiến cho lý tưởng ấy đến hơi thở cuối cùng.

Trải qua những năm tháng bôn ba ở nước ngoài vừa hoạt động vừa học tập, đầu tháng 11/1929, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Phương Đông, nhận Chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đồng chí bắt đầu hành trình về nước hoạt động. Tháng 7/1930 đồng chí được bổ sung vào Ban Chấp ủy lâm thời và được giao nhiệm vụ dự thảo Luận cương chính trị của Đảng. Trong quá trình soạn thảo, để nắm vững tình hình thực tiễn cách mạng, đồng chí luôn tranh thủ ý kiến của các đồng chí trong Ban Chấp ủy; trực tiếp đóng vai “thầy đồ”, “nhà buôn”, sống cuộc đời thợ mỏ, thợ nề, thợ nhà máy xi măng... để thâm nhập, nghiên cứu, khảo sát thực tế tình hình phong trào cách mạng của công nhân, nông dân và hoạt động của các chi bộ cộng sản ở nhà máy, hầm mỏ... tại Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, Hòn Gai, Thái Bình. Sau khi khảo sát tình hình thực tế và trao đổi với các đồng chí trong Ban Chấp ủy, đồng chí đã chấp bút Luận cương chính trị của Đảng ngay trong tầng hầm ngôi nhà của một quan chức thực dân Pháp ở phố Giảng Xôle (nay là số nhà 90, phố Thọ Nhuộm, Hà Nội).

Tháng 10/1930, tại Hồng Kông (Trung Quốc) Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và nhất trí thông qua Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú dự thảo. Luận cương chính trị khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong suốt quá trình cách mạng: *“Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần có sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản có đường lối chính trị đúng đắn, có kỷ luật tập trung, liên hệ mật thiết với quần chúng và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc”*<sup>[1]</sup>.

Công hiến lý luận của bản Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú khởi thảo là đã làm rõ mục đích, nhiệm vụ, bước đi, động lực cách mạng, vai trò lãnh đạo của giai

cấp vô sản và Đảng của giai cấp vô sản, tầm quan trọng của sức mạnh đoàn kết quốc tế đối với cách mạng Việt Nam.

Cũng tại Hội nghị này, đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Đồng thời, sau khi cân nhắc tình hình nhiều mặt, Trung ương Đảng quyết định đóng trụ sở trên địa bàn Sài Gòn - Gia Định, do đó Ban Thường vụ Trung ương Đảng gồm 3 người đều về Sài Gòn hoạt động. Sự kiện này làm tăng thêm sức mạnh lãnh đạo của Đảng đối với Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí đã trực tiếp chủ trì nhiều hội nghị quan trọng như Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng tháng 12/1930, Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng tháng 1/1931, Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ, Hội nghị Công vận Đông Dương và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai tại Sài Gòn tháng 3/1931. Đồng chí cũng đã chấp bút hàng loạt các văn kiện quan trọng như Thông cáo, Chỉ thị, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Thường vụ Trung ương góp phần đưa phong trào cách mạng Đông Dương phát triển lên một tầm cao mới.

Tháng 10/1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời ở Hồng Kông đồng ý dời trụ sở Trung ương Đảng về Sài Gòn. Trong bối cảnh khủng bố trắng của kẻ thù thì đây là một quyết định đầy dũng cảm của Trung ương Đảng, mà đồng chí Trần Phú là người lãnh đạo cao nhất. Nhằm hoạt động một cách hiệu quả các đồng chí đã chấp nhận đối diện với hiểm nguy để hoàn thành nhiệm vụ mà cách mạng giao phó.

Tại Sài Gòn, Trung ương đã xây dựng nhiều địa điểm để các đồng chí lãnh đạo sống và làm việc, các địa điểm hội họp cũng như nhà in của Trung ương. Không những vậy, thực tiễn cách mạng sinh động của Sài Gòn nói riêng và Nam Kỳ nói chung cũng là một hiện thực khách quan góp phần quan trọng giúp Trung ương Đảng có thể tổng kết kinh nghiệm và xây dựng nên những văn kiện, nghị quyết chỉ đạo kịp thời cho phong trào cách mạng và hoạch định đường lối cách mạng cho cả nước. Với cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Trần Phú trực tiếp điều hành công việc của Ban Thường vụ Trung ương Đảng tại Sài Gòn được hơn 5 tháng. Đây là một khoảng thời gian ngắn ngủi, song đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú đã cùng với Ban Chấp hành Trung ương Đảng vừa trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng những năm 1930 - 1931 vừa giải quyết được một khối lượng công việc khó có thể tưởng tượng được của Đảng về lý luận. Và cũng chính tại Sài Gòn, Trung ương Đảng mà đồng chí Trần Phú là người lãnh đạo cao nhất đã triệu tập Hội nghị toàn thể lần thứ 2 vào tháng 3/1931, Hội nghị đã đánh giá sự phát triển của phong trào cách mạng trên cả nước, nêu rõ vai trò lãnh đạo của Đảng và đã nêu lên

những vấn đề cần phải chú trọng trong công tác xây dựng Đảng. Nghị quyết của Hội nghị đã đánh dấu một bước tiến quan trọng của Đảng ta về tư tưởng, chính trị cũng như củng cố về mặt tổ chức, xây dựng lực lượng, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của Đảng cũng như của cách mạng Việt Nam. Nghị quyết đã thổi một làn gió mới đầy sinh khí vào phong trào cách mạng của thành phố Sài Gòn nói riêng và cả nước nói chung.

Ngoài ra, một nội dung quan trọng, bức thiết được đề cập tại 2 Hội nghị Trung ương là việc phải thành lập tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản. Tại Hội nghị lần thứ nhất vào tháng 10/1930, vấn đề thành lập tổ chức Đoàn TNCS được đặt ra như một yêu cầu tất yếu của cách mạng Việt Nam, cần có một tổ chức tập hợp thanh niên, rèn luyện họ thông qua trường học Cộng sản để trở thành nguồn bổ sung những chiến sĩ kiên trung cho cách mạng Việt Nam. Đến Hội nghị lần thứ hai vào tháng 3/1931, Trung ương quyết định thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Đông Dương.

Ngay sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 3/1931, do sự phản bội của Ngô Đức Trì, ngày 18/4/1931, Tổng Bí thư Trần Phú bị địch bắt ở Sài Gòn. Sống trong điều kiện hết sức nghiệt ngã của nhà tù đế quốc, thực dân, chịu đựng mọi thủ đoạn tra tấn tàn độc của kẻ thù, đồng chí Trần Phú vẫn một lòng son sắt thủy chung với Đảng, trong ngục tối của kẻ thù vẫn mãi sáng ngời khí tiết của một chiến sĩ cách mạng bất khuất kiên trung. Trước giờ vĩnh biệt đồng chí, đồng bào thân yêu, đồng chí Trần Phú đã truyền lại khí phách của người cộng sản Việt Nam, dồn toàn bộ tâm huyết, trí lực vào một lời vừa giản dị vừa cao thượng, ngắn gọn, súc tích, đủ sức lay động mọi trái tim của đồng chí đồng bào trong cuộc đấu tranh: “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu”.

Tấm gương chiến đấu kiên cường và sự hy sinh lẫm liệt của đồng chí Trần Phú vì độc lập dân tộc và lý tưởng cộng sản sống mãi trong trái tim các thế hệ người Việt Nam chúng ta.

#### **4. Ngô Quốc Trị (1926-1969)**

Ngô Quốc Trị bí danh Bảy Hùng, sinh năm 1926, tại xã Vĩnh Tế, huyện Châu Phú, tỉnh Châu Đốc (*nay là tỉnh An Giang*). Là người có tư chất thông minh, nên Ngô Quốc Trị được cha mẹ ông là ông bà Ngô Văn Hồ và Võ Thị Mười cố gắng cho đi học. Năm 1941, Ngô Quốc Trị thi đậu vào Collège Cần Thơ, học ban Thành Chung (*trương dương bậc học trung học cơ sở ngày nay*). Tại đây, đồng chí có những bước đi đầu tiên trên con đường hoạt động cách mạng. Tháng 6/1945, đồng chí Ngô Quốc Trị tham gia lực lượng Thanh niên Tiên Phong rồi tham gia khởi nghĩa giành chính quyền tại thành phố Cần Thơ. Sau tháng 8/1945, đồng chí được tổ chức phân công tham gia Cộng hòa vệ binh, tiền thân của lực lượng vũ trang cách mạng sau này. Cuộc đời binh nghiệp của Ngô Quốc Trị bắt đầu từ đó. Năm 1954, đồng chí tập kết ra Bắc, được tuyển sang học trường

Võ Bị bên nước bạn Trung Quốc. Tháng 7/1961, Quân khu 9 quyết định điều động đồng chí Ngô Quốc Trị về nhận nhiệm vụ Tỉnh đội phó Trà Vinh.

Tháng 7/1961, Quân khu 9 quyết định điều động đồng chí về nhận nhiệm vụ Tỉnh đội phó Trà Vinh, ở cương vị chỉ huy lãnh đạo, đồng chí đã trực tiếp phụ trách công tác xây dựng, phát triển các đơn vị địa phương quân cấp tỉnh và huyện trong đó có Tiểu đoàn 501 địa phương quân tỉnh Trà Vinh.

Nét nổi bật trong tài dùng binh của đồng chí Ngô Quốc Trị giai đoạn này là sử dụng linh hoạt các lực lượng tỉnh, huyện và xã mở rộng diện chiến dịch với nhiều đòn nghi binh vừa làm địch lúng túng đối phó vừa hỗ trợ phong trào nhân dân du kích chiến tranh địa phương phát triển mạnh mẽ.

Trong chiến dịch Tổng công kích-tổng khởi nghĩa Xuân Mậu Thân-1968, chấp hành Nghị quyết của Tỉnh ủy Tỉnh đội phó Ngô Quốc Trị nhận nhiệm vụ Chỉ huy trưởng Tiền phương, kiêm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 501 trên hướng tiến công chủ yếu, với quyết tâm "*Thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*", "*Tất cả lên đường giải phóng thị xã Trà Vinh*". Ngay đêm nổ ra chiến dịch, Tiểu đoàn 501 kết hợp cùng Tiểu đoàn 509 và các đơn vị khác thọc sâu đánh chiếm, làm chủ Dinh Tỉnh trưởng, Bộ Chỉ huy Tiểu khu, Trung tâm hành quân và trụ lại hai ngày đêm liền chiến đấu, đẩy lùi nhiều đợt phản kích của các tiểu đoàn chủ lực, bảo an địch có sự yểm trợ của Chi đội xe bọc thép và những trận đánh bom hủy diệt xuống ngay nội ô của máy bay địch. Từ thực tế chiến trường và tương quan lực lượng giữa ta và địch, Chỉ huy trưởng tiền phương Ngô Quốc Trị kịp thời xin ý kiến Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch, một mặt ông quyết định chỉ giữ lại một bộ phận nhỏ trong nội ô kèm chân địch cho đại bộ phận các cánh quân chuyển ra vùng ven, hỗ trợ các xã Long Đức, Hòa Thuận, Nguyệt Hóa, Lương Hòa..., Trong lúc các đơn vị chủ lực, bảo an nguy còn tập trung trong nội ô, Tiểu đoàn 501 tranh thủ phối hợp cùng đại phương, phát huy tối đa sức mạnh ba mũi giáp công, giải phóng hoàn toàn 25 xã vùng nông thôn rộng lớn các huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Càng Long, Trà Cú... tạo lợi thế bước đầu cho cuộc chiến đấu của quân dân ta chống lại những cuộc hành quân phản kích, lấn chiếm, bình định của địch sau Mậu Thân. Cũng nhờ đó, các đơn vị địa phương quân Trà Vinh, từ tỉnh đến các huyện thị, bảo tồn được sinh lực và sức chiến đấu. Hệ quả tất yếu là bảy năm sau, trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 30/4/1975, Trà Vinh là tỉnh duy nhất ở miền Tây Nam bộ đủ sức tự lực giải phóng tỉnh nhà gần như cùng lúc Sài Gòn-Gia Định.

Đồng chí Ngô Quốc Trị hy sinh trong một cuộc hành quân lấn chiếm của địch vào căn cứ Ngãi Phú (xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần).

Theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cửu Long (*lúc này hai tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long nhập lại thành tỉnh Cửu Long*), ngày 06/11/1978, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Tôn Đức Thắng đã ký quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Tỉnh đội trưởng Trà Vinh Ngô Quốc Trị.

## 5. Lê Văn Tám

Lê Văn Tám là con một chiến sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa, Lê Văn Tám làm nghề bán lạc rang, đánh giày ở chợ Đa Kao (Sài Gòn)

Lê Văn Tám là con của một gia đình nghèo ở xóm Bàn Cờ (nay thuộc Quận 3- Thành phố Hồ Chí Minh). Cha anh đã từng hoạt động thời Nam Kỳ khởi nghĩa (1940). Ngày thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ (9-1945), gia đình anh ra vùng kháng chiến. Sau vì hoàn cảnh riêng, gia đình anh lại phải trở về vùng địch tạm chiếm. Cảnh nhà túng thiếu, ngày ngày anh phải đi bán lạc rang. Anh thường lân la đến trạm gác một cây xăng đạn lớn giữa lòng thành phố. Tám thông minh, lanh lợi nên chẳng bao lâu đã trở nên “*thân quen*” với bọn lính gác. Hình ảnh những hòm đạn, những thùng xăng nằm trong kho gợi cho anh trí nhớ đến bao cảnh giết chóc dã man ở ngoài vùng tự do. Mỗi cảm thù giặc sẵn có trong lòng anh ngày càng cứ sôi sục thêm lên. Nghĩ đến gương những anh hùng đã anh dũng hi sinh của quân đội ta mà anh đã từng được nghe kể lại, anh bỗng nảy ra một ý định quyết liệt. Anh thủ dầu xăng trong người rồi thản nhiên đem thùng lạc rang đến bán cho bọn lính gác như thường lệ. Lừa lúc bọn chúng vui chuyện mắt cảnh giác, anh chạy bay vào kho xăng đạn như một luồng gió. Một que diêm lóe sáng, những tiếng nổ âm trời và tiếp theo đó khói lửa mịt mù thành phố. Cả một kho xăng và đạn của giặc ra tro. Lê Văn Tám anh dũng hi sinh để chặn bàn tay đẫm máu của bọn đế quốc xâm lược, để đỡ bao đau khổ, chết chóc cho đồng bào. Lê Văn Tám xứng đáng là người con của thành đồng Tổ quốc, của dân tộc Việt Nam anh hùng. Đồng bào gọi anh là “*Anh đuốc sáng*”. Gương anh chói sáng mãi trong lòng mỗi đội viên chúng ta.

#### 6. Nguyễn Thị Định (1920-1992)

Là nữ tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam, còn gọi là Ba Định. Bà có các bí danh: Bích Vân, Ba Tấn, Ba Nhất và Ba Hận, quê ở xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Năm 1936, bà tham gia phong trào Đông Dương. Năm 1938, bà kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng Tám năm 1945, bà tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Bến Tre. Năm 1946, bà tham gia đoàn cán bộ miền Nam ra Bắc gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ để báo cáo tình hình kháng chiến ở Nam bộ và xin chi viện vũ khí. Năm 1974, bà được phong quân hàm Thiếu tướng quân đội Nhân dân Việt Nam. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng năm 1975, bà giữ nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước, Ủy viên Trung ương Đảng khóa IV, V, VI;... Năm 1992, bà từ trần tại thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 72 tuổi.

#### 7. Lê Lai

Ông là danh tướng, có tên là Nguyễn Thân, theo phò Lê Lợi đổi tên là Lê Lai, quê thôn Dang Ta, huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa. Ông tham gia dưới cờ Bình Định Vương Lê Lợi kháng Minh cứu quốc. Năm 1416, tại Lũng Nhai, ông cùng Bình Định Vương và 17 tướng lĩnh tâm phúc thề sống chết có nhau, được trao chức *Đô tổng quản*, tước *Quan Nội Hầu*.

Khoảng cuối năm 1418, quân Minh vây ngặt ở vùng Chí Linh, Lê Lai tình nguyện giả nhà vua, đem 500 quân, 2 thớt voi, thẳng tới trại giặc khiêu chiến. Quân Minh vây đánh. Ông chiến đấu đến lúc kiệt sức, để cho chúng bắt và đã hy sinh.

Khi Lê Lợi lên ngôi vua, truy tặng ông là Đệ nhất công thần. Năm 1429, truy phong là Thái úy. Đời Nhân tông 1443, truy tặng là Bình chương Quân quốc trọng sự, tước là Huyện Thượng Hầu. Đời Thánh Tông lại tặng là Thái phó, tước Diên Phúc Hầu, truy phong là Trung Túc Vương. Đời nhà Nguyễn, Gia Long liệt ông vào hàng khai quốc

công thần đệ nhất triều Lê.

### **8. Trần Văn Long (1925 - 2008)**

Đồng chí Trần Văn Long, bí danh Mười Dài, sinh năm 1925, tại xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Từ tháng 6/1945- 3/1946 đồng chí tham gia cách mạng là cán bộ tuyên truyền và gây dựng cơ sở Việt Minh ở xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Cửu Long.

- Từ tháng 4/1946 - 12/1947 đồng chí là thư ký Ủy ban Hành chính, rồi Trưởng Công an xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đồng chí chấp hành tuyệt đối sự phân công, điều động của Đảng, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, tháng 11 năm 1946 đồng chí vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

- Từ năm 1948 - 1953 đồng chí lần lượt giữ các chức vụ: Thư ký Ủy ban Hành chính huyện, Bí thư Đảng đoàn huyện Trà Cú, Huyện ủy viên - Trưởng Ban Quân báo Địch vận huyện Trà Cú, Phó Bí thư Trưởng Công an, Bí thư Huyện ủy - Chính trị viên Huyện đội Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Từ năm 1954 - 1961 đồng chí giữ các chức vụ: Tỉnh ủy viên - Trưởng Ban Thanh vận, Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách tuyên huấn và lực lượng vũ trang ngầm, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh.

- Năm 1962 đồng chí giữ chức vụ Khu ủy viên Khu Tây Nam Bộ - Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ.

- Từ năm 1963 - 1972 đồng chí lần lượt giữ các chức vụ Khu ủy viên, Ủy viên Thường vụ Khu ủy, Phó Bí thư, Phó Chính ủy Quân khu 9.

- Từ 1973 - 1975 đồng chí giữ chức vụ Phó Bí thư Khu ủy Tây Nam Bộ phụ trách dân vận, binh vận, tuyên huấn.

- Từ tháng 1/1976 - 4/1977 đồng chí giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đồng chí được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IV.

- Từ tháng 5/1977 - 12/1978 đồng chí giữ chức vụ UVBCH TƯ Đảng - Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang.

- Từ tháng 1/1979 - 9/1985 tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, đồng chí được bầu làm Ủy viên BCH Trung ương Đảng khoá V và giữ chức Phó trưởng Ban cải tạo Nông nghiệp miền Nam, Phó trưởng Ban Cải tạo Nông nghiệp Trung ương.

- Từ tháng 10/1985 - 7/1989 đồng chí giữ chức vụ Phó trưởng Đoàn chuyên gia Việt Nam tại Campuchia, Bí thư Đảng ủy Đoàn chuyên gia.

- Từ tháng 8/1989 do tuổi cao đồng chí được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu theo chính sách.

Những năm tháng nghỉ hưu, đồng chí tiếp tục tham gia Ban ký sự Tây Nam Bộ.

Với những công lao đóng góp và quá trình phấn đấu rèn luyện trong 63 năm hoạt

động cách mạng đồng chí đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng Nhì, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Nhất, Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huân chương Ấng co, Huy hiệu 40, 50, 60 năm tuổi Đảng, và nhiều bằng khen, giấy khen khác.

### **9. Lưu Hữu Phước (1921-1989)**

Sinh tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Trước 1945, ông hoạt động trong phong trào sinh viên yêu nước. Sau Cách mạng ông đảm nhiệm công tác xuất bản, thông tin, tuyên truyền, báo chí, văn học, nghệ thuật và thanh, thiếu niên.

Sau 1945, ông giữ nhiều chức vụ: Trưởng ban nghiên cứu âm nhạc, Vụ trưởng Vụ Nhạc-múa, Ủy viên Ban chấp hành Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Phó tổng thư ký Hội nhạc sĩ Việt Nam.

Năm 1965, ông trở về Nam kháng chiến chống Mỹ làm Trưởng tiểu ban văn nghệ của Trung ương cục, Bộ trưởng Bộ Thông tin - Văn hoá trong Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam. Ông còn là đại biểu Quốc hội, Viện trưởng Viện Âm nhạc. Giáo sư, Viện sĩ Thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật Cộng hòa Dân chủ Đức.

Là nhạc sĩ với các bút danh khác như: Huỳnh Minh Siêng, Long Hưng, Hồng Chí... các ca khúc để đời của ông có Tiếng gọi thanh niên, Giải phóng miền Nam, Lên Đàng, Tình Bác sáng đời ta, Khúc khải hoàn... Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

### **10. Nguyễn Hữu Tiến (1901-1940)**

Nguyễn Hữu Tiến, nguyên là thầy giáo, sinh ngày 5/3/1901 tại xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam ngày nay. Năm 1927, Nguyễn Hữu Tiến tham gia tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Năm 1931 ông bị bắt và bị địch đưa ra nhà tù Côn Đảo. Năm 1935, ông cùng một số tù chính trị vượt ngục Côn Đảo, trở về đất liền, ông hoạt động cách mạng tại Cần Thơ, sau đó được phân công phụ trách công tác tuyên truyền, in ấn tài liệu cách mạng. Chính trong thời gian này, ông được Xứ uỷ Nam Kỳ trao nhiệm vụ vẽ cờ Tổ quốc để sử dụng trong các cuộc đấu tranh. Ông đã vẽ lá cờ có nền đỏ và ngôi sao vàng năm cánh, thể hiện ý tưởng máu đỏ da vàng, tượng trưng cho dân tộc và sự đoàn kết các tầng lớp nhân dân bao gồm sĩ, nông, công, thương, binh trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Tâm huyết của tác giả khi sáng tạo ra lá cờ Tổ quốc được khắc họa rõ nét trong bài thơ của ông:

"Hỡi những ai máu đỏ da vàng  
 Hãy chiến đấu dưới cờ thiêng Tổ quốc  
 Nền cờ thấm máu đào vì nước  
 Sao vàng tươi, da của giống nòi  
 Đứng lên mau hồn nước gọi ta rồi

Hồi sỹ nông công thương binh

Đoàn kết lại như sao vàng năm cánh."

Mẫu cờ do Nguyễn Hữu Tiến vẽ đã được Xứ uỷ Nam Kỳ nhất trí và đã xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 23-11-1940, sau đó xuất hiện ở nhiều nơi trong phong trào Việt Minh (1941 - 1945).

Năm 1945, Hồ Chủ Tịch đã ký sắc lệnh quy định mẫu Quốc kỳ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là nền đỏ với ngôi sao vàng năm cánh như mẫu vẽ của Nguyễn Hữu Tiến. Ngày 02/9/1945, cờ đỏ sao vàng chính thức xuất hiện trong buổi lễ Tuyên bố độc lập. Quốc hội khoá 1 ngày 02/3/1946 quy định cụ thể: ngôi sao vàng năm cánh đặt giữa nền đỏ hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài.

### **11. Lâm Văn Vững (1919-2005)**

Sinh năm: 1919; quê quán: Xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; nơi ở hiện nay gia đình: Khóm II, Thị trấn Trà Cú, Trà Cú, Trà Vinh; Chức vụ: Nguyên Bí thư Huyện uỷ huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Do vết thương tái phát, đồng chí đã từ trần 22/02/2005 (được công nhận liệt sỹ). Đồng chí Lâm Văn Vững từ một thiếu niên đi ở đợ cho địa chủ đã tham gia hoạt động cách mạng và góp phần cùng Huyện uỷ, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo đánh địch trên nhiều mặt trận.

Thời kỳ 1952 - 1953 thực dân Pháp tái chiếm lại huyện Trà Cú, chúng tuyên truyền, kích động hận thù giữa người Khmer với người Kinh, xúi giục người Khmer ở La Bang dùng dao, búa để tìm người Kinh tiêu diệt. Đồng chí đã lãnh đạo Đảng bộ, quân và dân trong huyện tuyên truyền tình đoàn kết Kinh- Khmer và trực tiếp tìm những người Khmer có uy tín vận động đồng bào không nghe theo lời xúi giục của giặc Pháp, giúp họ hiểu nhau, cùng làm ăn sinh sống và đoàn kết tham gia kháng chiến.

Năm 1954 đồng chí Lâm Văn Vững trực tiếp chỉ đạo lực lượng vũ trang huyện ám sát, tiêu diệt tên Quản Xây tại chợ Đại An. Ngày 04/4/1958 đồng chí bị địch bắn trọng thương và bị địch bắt, chúng đưa đồng chí đi tù đày ở khám lớn Trà Vinh, mặc dù bị tra tấn dã man, địch ra điều kiện nếu đồng chí xé cờ Đảng Cộng sản Việt Nam thì chúng sẽ tha tù. Với khí tiết của người chiến sỹ Cộng sản, không khuất phục trước kẻ thù, không vì lợi ích cá nhân mà phản bội Tổ quốc, đồng chí kiên quyết không xé cờ Đảng và không nghe theo lời dụ dỗ của địch. Cuối cùng, bị địch bẻ gãy một đoạn xương trên cánh tay trái chỉ còn thịt và gân, làm cho đồng chí Lâm Văn Vững phải bị thương tật vĩnh viễn (hình ảnh đó còn được trưng bày tại Nhà Trưng bày tội ác Mỹ - Ngụy tại Nhà Bảo tàng thành phố Hồ Chí Minh) sau đó Tòa án Ngụy quyền Sài Gòn xử án đồng chí Lâm Văn Vững 20 năm tù khổ sai. Bị đày ra Côn Đảo, bị nhốt trong chuồng bò, hầm cạp và chịu nhiều hình thức tra tấn rất dã man của bọn Mỹ - Ngụy, nhưng đồng chí vẫn kiên định và giữ vững khí tiết của người chiến sỹ Cộng sản;

Đến năm 1974 được trao trả tù binh tại Lộc Ninh, đồng chí tiếp tục liên lạc với cơ sở của ta để tham gia cách mạng. Đến ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975, đồng chí Lâm Văn Vững về công tác tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và được nghỉ hưu vào năm 1977. Sau đó, do vết thương cũ tái phát, đồng chí đã qua đời vào năm 2005 và được Thủ tướng Chính phủ công nhận Liệt sỹ theo Quyết định số 851/QĐ-



TTg, ngày 13/6/2006.

Đồng chí đã được Đảng và Nhà nước khen thưởng 01 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì; 01 Huy hiệu 55 tuổi Đảng và nhiều bằng khen cao quý khác.

### **12. Lương Định Của (1920 - 1975)**

Là một nhà nông học, nhà tạo giống của Việt Nam. Quê ở xã Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông là tác giả của nhiều loại giống cây trồng, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động năm 1967 và truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1995.

### **13. Thủ Khoa Huân (1816-1875)**

Tên thật là Nguyễn Hữu Huân, người huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (Mỹ Tho). Ông đỗ đầu khoa thi Hương trường Gia Định dưới triều vua Tự Đức (1852), sau đó được bổ nhiệm làm giáo thụ tại huyện nhà. Ông tổ chức nghĩa quân kháng chiến chống Pháp tại Mỹ Tho, Châu Đốc. Năm 1864, ông bị địch bắt và đày sang đảo La Réunion, thuộc địa Pháp tại Châu Phi. Năm 1869, được thả về nước, ông cùng Âu Dương Lân tổ chức kháng chiến tại Định Tường. Năm 1875, bị quân Pháp bắt, chúng dùng nhiều thủ đoạn để lung lạc, mua chuộc nhưng không lay chuyển được ý chí người anh hùng. Không còn cách nào khác, chúng ra lệnh xử tử ông vào ngày 19/5/1875.

### **14. Nguyễn Duy Trinh (1910 - 1985)**

Là Chính khách Việt Nam. Ông từng giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam. Ông sinh trong một gia đình nông dân tại xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Năm 1925, ông đã tham gia phong trào học sinh đòi tự do hoạt động chính trị tại thành phố Vinh. Năm 1926, ông gia nhập Tân Việt Cách mạng Đảng. Năm 1930-1931, ông bị bắt và bị đày ra Côn Đảo, sau chuyển về Kon Tum. Tại đây, năm 1941, ông cùng một số bạn tù vượt ngục nhưng bị bắt lại.

Năm 1951, tại Đại hội Đảng lần thứ II, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, và đến tháng 8/1955 đảm nhiệm chức vụ Bí thư Trung ương Đảng, là Ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng suốt từ năm 1956 đến năm 1982. Năm 1982, tại Đại hội Đảng lần thứ V, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho đến khi mất. Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến Chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.

### **15. Văn Cao (1923-1995)**

Tên thật là Nguyễn Văn Cao, bút hiệu Văn Cao, quê gốc ở làng An Lễ, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông là nhạc sĩ tài hoa và cũng là một họa sĩ, một nhà thơ nổi tiếng; là tác giả bản nhạc *Tiến quân ca* (1946), sau năm 1976 trở thành Quốc ca nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ông sáng tác nhiều ca khúc cách mạng nổi tiếng khác như: *Chiến sĩ Việt Nam*, *Hải quân Việt Nam*, *Không quân Việt Nam*, *Bắc Sơn*, *Làng tôi*, *Ngày mùa*, *Trường ca sông Lô*, *Tiến về Hà Nội*, *Mùa xuân đầu tiên...*

### 16. Trần Văn Giàu (1911 -2010)

Là nhà hoạt động cách mạng, nhà khoa học, nhà giáo Việt Nam; đồng chủ tịch danh dự Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (cùng với đại tướng Võ Nguyên Giáp). Từ năm 15 tuổi ông đã lên học tại Sài Gòn rồi sang du học tại Pháp và đến năm 1930 thì bị trục xuất về nước sau khi tham gia biểu tình trước dinh tổng thống Pháp đòi hủy án tử hình đối với các chiến sĩ cách mạng tham gia khởi nghĩa Yên Bái. Sau đó, ông tham gia cách mạng, bị thực dân Pháp bắt, kết án 5 năm đày đi Côn Đảo. Tháng 4/1940, ông ra tù tiếp tục hoạt động cách mạng, rồi lại bị địch bắt đưa đi giam ở Tà Lài và sau đó vượt ngục trở về, tiếp tục hoạt động cách mạng.

Năm 1943, ông được bầu làm Bí thư Xứ ủy Nam kỳ, lãnh đạo cách mạng tháng Tám ở miền Nam năm 1945 và được cử làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính kháng chiến Nam Bộ.

Sau Cách mạng tháng Tám, ông giữ nhiều trọng trách trong bộ máy nhà nước, tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu ở lĩnh vực khoa học xã hội.

Ông vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân (1992), danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, giải thưởng Hồ Chí Minh, Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý khác.

### 17. Trần Quốc Thảo (1914-1957)

Là liệt sỹ cách mạng, tên thật là Hồ Xuân Lưu, quê làng Cổ Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Năm 1930, ông tham gia Đoàn Thanh niên ở quê nhà. Năm 1936, ông tham gia Mặt trận Dân chủ ở Quảng Trị, đến năm 1940 là Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Trung kỳ. Năm 1941, sau khi đi dự hội nghị Trung ương Đảng ở Cao Bằng về, ông bị địch bắt ở Nghệ An. Năm 1942, ông vượt ngục nhưng rồi bị bắt lại và bị tăng án lên 20 năm. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, ông về hoạt động ở quê nhà.

Năm 1949, ông vào Nam Bộ làm Bí thư Ban Công vận Xứ ủy. Năm 1950, ông làm Thường vụ Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn kiêm Phó Tổng thư ký Công đoàn Việt Nam. Đến năm 1957, ông được bầu làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Sau đó, ông bị bắt tại Phú Nhuận, địch tra tấn dã man đến chết trong ngày 16/10/1957.

### 18. Đặng Thai Mai (1902-1984)

Ông sinh năm 1902, quê làng Lương Điền, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông là nhà nghiên cứu văn học, bút hiệu Thanh Tuyền. Ông xuất thân trong một gia đình khoa bảng, có truyền thống yêu nước, lúc nhỏ học chữ Hán sau học chữ Pháp. Năm 1924, ông tốt nghiệp trung học ở Vinh, sau ông ra Hà Nội học Trường Cao đẳng Sư phạm. Năm 1928, ông được bổ dạy ở Trường Quốc học Huế.

Ông tham gia “Đảng Tân Việt” của Lê Văn Huân và bị bắt. Sau khi được trả tự do, ông về sinh sống và dạy học ở Hà Nội. Năm 1936, ông là hội viên hội “Truyền bá Quốc ngữ” và được Đảng Cộng sản Đông Dương giới thiệu ứng cử vào Viện Dân biểu Trung kỳ. Ông bắt đầu nghiên cứu Chủ nghĩa Mác- Lênin, viết báo bằng tiếng Việt và

tiếng Pháp với tư tưởng tiên bộ, cách mạng công khai ở Hà Nội.

Ông là người đầu tiên viết về lý luận văn học theo quan điểm mác xít ở nước ta và nổi tiếng với tác phẩm *Văn học khái luận, Trên đường học tập và nghiên cứu, sách dịch có Lôi vũ, A.Q* ... Sau Cách mạng Tháng Tám, ông giữ nhiều chức vụ như: Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Viện trưởng Viện Văn học Việt Nam... Ông mất năm 1984 và được Chính phủ nước CHXHCNVN tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

### **19. Trần Văn Khê (1921 -2015)**

Là một nhà nghiên cứu văn hóa, tên khai sinh là Trần Quang Khê, sinh tại làng Đông Hòa, tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho (nay là huyện Châu Thành, Tiền Giang) trong một gia đình có bốn đời làm nhạc sĩ, nên từ nhỏ ông đã làm quen với nhạc cổ truyền.

Ông là một nhà nghiên cứu văn hóa, âm nhạc cổ truyền nổi tiếng ở Việt Nam. Ông là Tiến sĩ ngành Âm nhạc học người Việt Nam đầu tiên tại Pháp và từng là Giáo sư tại Đại học Sorbonne, Pháp; thành viên danh dự Hội đồng Âm nhạc Quốc tế, UNESCO. Ông còn là người có bề dày trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, có công trong quảng bá âm nhạc Việt Nam nói riêng, văn hóa Việt Nam nói chung ra thế giới. Sau một thời gian bị bệnh nặng, ông qua đời ngày 24/6/2015, hưởng thọ 94 tuổi.

### **20. Võ Văn Tần (1894-1940)**

Ông sinh năm 1894, quê làng Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Chợ Lớn (nay thuộc tỉnh Long An). Lúc trẻ ông học chữ Hán, sau học tiếp chữ Quốc ngữ.

Năm 1924-1925, ông tham gia "*Hội kín Nguyễn An Ninh*". Năm 1926, ông gia nhập "*Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội*". Cuối năm 1929, ông chuyển sang *An Nam Cộng sản Đảng* và được cử làm Bí thư Chi bộ đầu tiên ở Đức Hòa. Ngày 04/6/1930, ông trực tiếp chỉ đạo cuộc biểu tình của nông dân xã Tân Phú tại huyện Đức Hòa. Thực dân Pháp khủng bố và kết án tử hình vắng mặt ông. Năm 1932, ông làm Bí thư Tỉnh ủy Gia Định. Năm 1937, ông được cử làm Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ và sau được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Năm 1940, cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ sắp nổ ra thì ông bị bắt tại Hóc Môn. Ông bị tra tấn đến tàn phế nhưng vẫn giữ trọn khí tiết của người Cộng sản. Ông hy sinh ngày 28/8/1940 (46 tuổi) cùng một số đồng chí khác.

### **21. Tôn Thất Tùng (1912-1982)**

Là một bác sĩ nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới trong lĩnh vực gan và giải phẫu gan. Ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Viện sĩ Viện hàn lâm Y học Liên Xô. Ông là giáo sư, đào tạo nhiều thế hệ bác sĩ tài năng tại trường Đại học Y khoa Hà Nội.

### **22. Lê Văn Đệ (Bảy Hiện) (1933-1968)**

Sinh năm 1933; quê quán: ấp Long Điền, xã Long Toàn, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay của gia đình: ấp Long Điền, xã Long Toàn, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; chức vụ: nguyên Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn bộ binh 501, Tỉnh đội Trà Vinh; hy sinh: Tháng 9/1968.

Đồng chí Lê Văn Đẹt là một cán bộ quân sự được rèn luyện trong chiến đấu, trưởng thành từ một chiến sĩ trong một đơn vị địa phương quân của tỉnh. Trong suốt quá trình kháng chiến, đồng chí đã tham gia chiến đấu và chỉ huy chiến đấu hàng trăm trận, diệt hàng trăm tên địch, góp phần vào thành tích chung của Tiểu đoàn bộ binh 501, đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Với một số trận đánh tiêu biểu như:

Ngày 15/01/1966, tiểu đoàn phối hợp với địa phương quân Duyên Hải đưa quân về phục kích tại ấp Bào Sen (trên đoạn đường từ Long Khánh đến quận Long Toàn). Tiểu đoàn đảm nhiệm đánh chủ công, địa phương quân huyện Duyên Hải đón lõng. Ngày 17/01/1966 (ngày 27 tết) địch đưa 01 đại đội bảo an từ Long Khánh lên chi viện cho Long Toàn. Khi bộ phận đi đầu của địch nằm gọn trong đội hình phục kích của ta. Đồng chí Lê Văn Đẹt chỉ huy đơn vị nổ súng, tiêu diệt toàn bộ đại đội địch, ta thu trên 60 súng các loại và 04 máy PRC25.

Ngày 07/8/1968 Mỹ mở cuộc hành quân càn quét tìm diệt lực lượng vũ trang ta trên diện rộng 06 xã của huyện Càng Long, ý đồ hỗ trợ cho lực lượng Sư đoàn 9 tái lần chiếm. Đây là trận đầu tiên Bộ binh Mỹ đánh với quy mô cấp lữ đoàn có sự hỗ trợ về không quân, pháo binh, tàu chiến, thời gian kéo dài gần 10 ngày. Đồng chí Lê Văn Đẹt trên cương vị là Tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn 501 vẫn kiên quyết chỉ huy đơn vị, đánh trả quân Mỹ liên tục, đồng thời động viên đơn vị kiên quyết giữ vững trận địa, phản kích mạnh. Kết quả, trong gần một tuần chiến đấu, ta diệt và làm bị thương hàng trăm tên, bắn cháy 03 trực thăng, bắn chìm 03 tàu, thu nhiều súng các loại. Đồng chí bị thương và sau đó, ngày 20/9/1968 đồng chí đã hi sinh.

Trong suốt quá trình tham gia cách mạng, đồng chí được đảng, Nhà nước và Quân đội khen tặng những phần thưởng cao quý: Huân chương quân công hạng ba; Huân chương độc lập hạng ba; Huân chương kháng chiến hạng nhất; Huân chương chiến công hạng nhất, nhì, ba; Huân chương chống Mỹ hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba.

### **23. Huỳnh Văn Quởn (Ba Quởn) (1948-1968)**

Sinh năm 1948, dân tộc Kinh, Quê Tân Qui I, An Phú Tân, Cầu Kè, Trà Vinh; Chỗ ở hiện nay của gia đình: Tân Qui I, An Phú Tân, Cầu Kè, Trà Vinh. Khi hy sinh, đồng chí là Trạm phó A532 thuộc Ban Giao bưu vận khu Tây Nam bộ.

Năm 14 tuổi, đồng chí Quởn tham gia cách mạng tại Ban Tài chánh xã, năm 16 tuổi chuyển về công tác tại Trạm Giao bưu vận khu Tây Nam bộ A532. Hơn 4 năm công tác tại Trạm A532 (từ năm 1964 - 1968) đồng chí Quởn đã cùng cán bộ chiến sĩ Trạm A532 tổ chức hơn 450 chuyến vượt sông, đưa rước hơn 3.000 lượt khách, vận chuyển hàng chục ngàn công văn, tài liệu, thư từ và hơn 1.200 tấn vũ khí, đạn dược, trang thiết bị chiến tranh... an toàn. Đồng thời, chiến đấu hơn 150 trận lớn nhỏ chống địch càn quét, biệt kích đánh phá bảo vệ căn cứ Trạm, bảo vệ cán bộ và hàng hóa. Qua đó, tiêu diệt và làm bị thương hơn 100 tên, có 14 tên Mỹ, bắn chìm 9 tàu chiến, bắn rơi 6 máy bay, thu nhiều vũ khí các loại. Riêng đồng chí Quởn đã trực tiếp chỉ huy và tham gia 142 chuyến vượt sông,

đưa rước 690 lượt cán bộ lãnh đạo quan trọng của Khu ủy, Quân khu, Tỉnh ủy và Tỉnh đội hai tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh. Đồng thời, trực tiếp chỉ huy và tham gia chiến đấu 62 trận lớn nhỏ, bao gồm 23 trận chống càn, 9 trận chống biệt kích, 12 trận đánh địch trên sông, 18 trận phá kềm... diệt và làm bị thương 42 tên địch (trong đó có 9 tên Mỹ), phá hủy 5 tàu chiến, bắn rơi 4 máy bay địch.

Tiêu biểu là trận đánh tháng 7/1965, đồng chí Huỳnh Văn Quờn cùng 2 chiến sĩ sang Phong Nẫm nhận hơn 5 tấn vũ khí và hàng hậu cần. Phát hiện ba tàu sát địch chặn đường trên sông, đồng chí Quờn lên bờ men theo địa hình rậm rạp tiếp cận và ném thủ pháo làm một chiếc tàu bị hư hỏng nặng, diệt tại chỗ 6 tên (có 1 tên Mỹ), bị thương 6 tên, 02 chiếc còn lại hoảng sợ rút chạy, tạo điều kiện cho tàu của ta đến đích an toàn. Tháng 12/1967, nắm được qui luật hoạt động của địch trên sông, đồng chí Quờn chỉ huy một tổ chiến sĩ phục kích, nổ súng B40 làm chiếc canô bốc cháy, diệt luôn 5 tên Mỹ và tên lính phiên dịch, chiếc còn lại tháo chạy. Tháng 8/1968, đang chuẩn bị lễ tuyên bố cưới vợ và đang bị sốt rét nhưng với tinh thần tiên phong, đồng chí Quờn vẫn tham gia giải giới 2 toán phòng vệ dân sự, chặn đánh bọn bảo an dã ngoại, diệt tên thiếu úy ác ôn. Trên đường về, gặp tàu chiến địch phục kích. Sau khi phân công các chiến sĩ rời ghe, bơi đưa các tử sĩ vào bờ, còn lại một mình, đồng chí dìm chìm ghe, vừa bơi vừa kéo chiếc ghe trôi ngược với hướng dòng đội để đánh lạc hướng theo dõi của quân địch. Tàu địch chiếu đèn pha và tập trung hỏa lực vào hướng chiếc ghe. Khi các chiến sĩ Trạm A532 đưa thương binh và tử sĩ vào bờ an toàn, cũng là lúc đồng chí Huỳnh Văn Quờn đã anh dũng hy sinh.

Đồng chí Huỳnh Văn Quờn đã được tuyên dương các Danh hiệu “*Dũng sỹ diệt Mỹ*”, “*Dũng sỹ diệt máy bay*” và “*Dũng sỹ diệt tàu chiến*”; 04 giấy khen của Ban Giao bưu vận khu Tây Nam bộ; Chiến sỹ thi đua cấp Ban Giao bưu vận khu Tây Nam bộ; Chiến sỹ thi đua cấp khu Tây Nam bộ; Huân chương Chiến sỹ Giải phóng (I, II, III); Huân chương Quyết thắng (II, III); Huân chương Kháng chiến hạng II.

#### **24. Lâm Sắc (bí danh là Hai Dựng) (1919-2008)**

Sinh năm 1919, quê xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, tham gia cách mạng vào tháng 8/1945, làm cơ sở mật, du kích mật, sau đó được phân công nhiệm vụ Trưởng Ban cán sự ấp Mé Láng, cán bộ nông hội xã Đại An, huyện Trà Cú. Ngày 08/02/1965, ông được kết nạp vào Đảng.

Ngày 20/7/1956, theo Hiệp định Giơ-ne-vơ là ngày Tổng tuyên cử Hiệp thương thống nhất đất nước, nhưng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm không tôn trọng Hiệp định, lại còn thẳng tay đàn áp nhân dân. Được sự lãnh đạo của Huyện ủy Trà Cú, ông cùng cấp ủy vận động nhân dân tổ chức cuộc mittinh tại chợ Trà Kha, có tác động chính trị lớn. Từ năm 1961 đến năm 1965, qua nhiều cương vị công tác, ông lập được nhiều thành tích, đặc biệt là sau sự kiện địch ném bom 2 lần làm chính điện chùa Mé Láng đổ nát, nhà của nhân dân xung quanh chùa bị hư hại, nhiều người chết và bị thương, trong đó có trẻ em và chur tăng. Ông cùng cán bộ xã vận động trên 1.000 người cùng chur tăng 41 chùa trong huyện mang theo xác người chết, bị thương đến tề xã đấu tranh tố cáo tội

ác Mỹ nguy và đòi bồi thường. Tiếp theo, kéo đến dinh quận Trà Cú tiếp tục đấu tranh. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, quận trưởng Trà Cú và tỉnh trưởng Vĩnh Bình phải đứng ra trực tiếp giải quyết yêu sách của đoàn biểu tình.

Năm 1965, ông được điều động về công tác tại đơn vị 517 pháo binh Trà Vinh, Sau đó, được điều động về công tác tại tiểu đoàn 804, trung đoàn 808, Cục Hậu cần Quân khu 9, với chức vụ Đội trưởng của tàu không số, có nhiệm vụ vận chuyển vũ khí bằng đường sông và đường biển ở miền Đông về miền Tây Nam bộ. Qua 7 năm thực hiện nhiệm vụ nặng nề, khó khăn và nguy hiểm nhưng bằng lòng quả cảm, tính thông minh, sáng tạo, ông đã chỉ huy đơn vị vận chuyển được hàng nghìn tấn vũ khí, quân trang, quân dụng phục vụ chiến trường Tây Nam bộ. Riêng ông trực tiếp vận chuyển được 355 tấn.

Từ 1964-1979, ông được phân công nhiều nhiệm vụ, bất cứ trên cương vị công tác nào, ông đều phấn đấu vượt qua và lập được nhiều thành tích. Với những thành tích đó, ông được đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua toàn Bình chủng, Quân khu 9, Bộ Quốc phòng, được Đảng, Nhà nước tặng thưởng:

+ 01 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 01 Huân chương Quân công hạng ba; 01 Huân chương Chiến công hạng ba; 03 Huân chương chiến sĩ Giải phóng hạng nhất, nhì, ba; 03 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba;

+ Ba lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Quân khu.

+ Ngày 15/01/1976, ông được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Năm 1979, ông nghỉ hưu, sinh sống ở xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông là đại biểu HĐND tỉnh Cửu Long khóa II (1980 - 1985), đại biểu Quốc hội khóa IX (1990 - 1995). Ông Lâm Sắc từ trần vào ngày 19/02/2008.

## **25. Phạm Ngọc Thảo (1922-1965)**

Ông sinh năm 1922, tại Sài Gòn. Ông là nhà hoạt động tình báo (nguyên quán ở tỉnh Bến Tre). Sau khi tốt nghiệp tú tài, ông học ngành Công chánh. Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, ông tham gia công tác ở Sài Gòn. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, ông làm giao liên, rồi trở thành cán bộ chỉ huy quân đội kháng chiến. Năm 1953-1954, ông là sĩ quan chỉ huy cấp Trung đoàn tại các chiến trường Tây Nam Bộ.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, ông ở lại miền Nam dạy học tại các trường tư thục ở Sài Gòn. Ông bị mật vụ của Pháp vây bắt, sau ông về dạy học tại thị xã Vĩnh Long. Ông được Giám mục Ngô Đình Thục giới thiệu với anh em ông Diệm, ông cùng gia đình lên sống ở Sài Gòn. Đầu năm 1956, ông làm việc ở Ngân hàng Quốc gia Sài Gòn, sau ông giữ cấp bậc “Đại úy đồng hóa” trong quân đội Sài Gòn. Từ đó ông được giữ nhiều chức vụ như: Tỉnh đoàn trưởng Bảo an Vĩnh Long, Chỉ huy trưởng Bảo an tỉnh Bình Dương, sau khi dự những lớp chỉ huy, tham mưu quân sự trong và ngoài nước ông được thăng Thiếu tá, làm việc tại Phủ Tổng thống. Tại đây, ông được anh em ông Diệm rất tin cậy trong các công tác chính trị, an ninh nội bộ, rồi đề cử ông làm Tỉnh trưởng Kiến Hòa

(nay là tỉnh Bến Tre) với cấp bậc Trung tá.

Sau đảo chính (01/11/1963), ông được thăng làm Tùy viên Báo chí trong “Hội đồng quân nhân cách mạng”, rồi làm Tùy viên Văn hóa của Tòa Đại sứ Việt Nam ở Hoa Kỳ. Chính quyền Sài Gòn nghi ngờ công tác tình báo của ông và cho nhóm mật vụ ám sát. Sau, ông bị an ninh quân đội bắt và đưa về Sài Gòn và bị tra tấn. Ông hy sinh ngày 17/7/1965.

Trong thời gian này, ở miền Nam ít người biết ông là một nhà tình báo nhiều cơ mưu, chiến lược tình báo lão luyện, chỉ biết ông là nhà quân sự có khả năng chính trị và ngoại giao... Sau ngày thống nhất đất nước, ông được Đảng và Chính phủ Việt Nam truy phong liệt sĩ với hàm Đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam.

## 26. Viễn Châu (1924- 2016)

Sinh trưởng trong một gia đình Nho giáo, theo đuổi Nho văn và sớm có thiên tư về âm nhạc nhưng khi lớn lên, ông lại không có thiên hướng về khoa cử hay sân khấu. Ông viết văn, làm thơ nhưng không có duyên nợ với văn chương. Năm 1945, ông chuyển sang soạn tuồng cải lương. Vợ tuồng “Hồn chiến sĩ”, vợ tuồng đầu tay của ông, có nội dung chống thực dân Pháp, đã được Ủy ban Kháng chiến hành chính quận Trà Cú (lúc bấy giờ là quận Trần Chí Nam) tổ chức hát bán vé để góp quỹ kháng chiến.

Ông chuẩn bị tham gia kháng chiến thì gia đình gặp biến cố. Năm 1946, người anh thứ sáu của ông là Huỳnh Thanh Tông bị Pháp bắt và bị bức tử ở đồn Long Toàn. Để tránh khủng bố, ông bỏ xứ Đôn Châu lên Vĩnh Long tá túc trong nhà một người bạn rồi sau đó phiêu bạt lên Sài Gòn. Bút danh “Viễn Châu” của ông có nghĩa là xa Đôn Châu được hình thành từ thời gian này.

Năm 1947, Viễn Châu tham gia công tác thành ở Sài Gòn và bị Pháp bắt cùng với 4 đồng chí khác. Ông bị đày đi an trí ở Cẩm Giang (Tây Ninh).

Sau khi đi an trí về, ông viết vở cải lương “Nát cánh hoa rừng” nhằm tố cáo chế độ thực dân Pháp, tố cáo sự bóc lột của bọn chủ đồn điền Pháp. Vở cải lương “Nát cánh hoa rừng” được đoàn Việt kịch Năm Châu trình diễn vào năm 1950. Đây là vở cải lương đầu tiên của ông được trình diễn trên sân khấu đại ban.

Kể từ năm 1950, qua vở cải lương “Nát cánh hoa rừng” tên tuổi Viễn Châu bắt đầu được giới mộ điệu chú ý. Và trong thời gian này, tiếng đồn tranh của ông, tiếng đồn tranh của Bảy Bá cũng được các hãng đĩa thu thanh và phát hành liên tục. Cùng với ngón đồn sến Năm Cơ, ngón đồn tranh Bảy Bá là hai ngón đồn cổ nhạc đã được giới mộ điệu đánh giá cao và coi như bậc thầy. Viễn Châu vừa là danh cầm vừa là soạn giả.

Sau năm 1975, ông cộng tác với Đoàn Văn công thành phố (1975), hãng băng Sài Gòn Audio (1978) và nhiều đoàn hát ở các tỉnh. Năm 1984, ông cùng đoàn nghệ thuật 284 lưu diễn ở các nước Tây Âu như: Đức, Bỉ, Pháp, Ý.

Một sáng tạo của Viễn Châu có ý nghĩa đặc biệt trong lĩnh vực nghệ thuật là việc ghép tân nhạc vào bản vọng cổ mà ông gọi là “Tân cổ giao duyên”. Bản “Tân cổ giao duyên” đầu tiên của ông có tựa “Chàng là ai” (nhạc Nguyễn Hữu Thiệt) do Lệ Thủy ca vào năm 1964. Ngoài ra, về âm nhạc, ông cũng có sáng tác một bản nhạc tài tử ngắn tên

là “Dạ khúc” đã được thu thanh trong băng cổ nhạc “Hòa tấu I” do Sài Gòn Audio thực hiện vào năm 1978.

Do có thành tích biểu diễn đờn tranh và nhiều đóng góp khác trong lĩnh vực cổ nhạc, ông đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” vào năm 1988, Nghệ sĩ Nhân dân năm 2012 để tôn vinh những đóng góp và thành tựu nghệ thuật của ông, huân chương lao động hạng III.. Ngoài các danh hiệu này, ông còn được giới mộ điệu suy tôn là “Vua viết lời ca vọng cổ”.

Sự suy tôn này kể cũng không quá đáng. Hơn 50 năm sáng tác, ông đã để lại một kho tàng tác phẩm đồ sộ. Trên 50 vở cải lương đã được trình diễn trên các sân khấu đại ban và trên 2000 bản vọng cổ đã được các hãng đĩa, băng thu thanh và phát hành.

Những vở cải lương của ông được khán thính giả biết đến nhiều nhất là: Nát cánh hoa rừng, Tình mẫu tử, Đời cô Nga, Sau bức màn nhung, Bông ô môi, Chuyện tình Hàn Mặc Tử, Quân vương và thiếp, Qua cơn ác mộng, Nợ tình, Hoa Mộc Lan, Con gái Hoa Mộc Lan, Hai nụ cười xuân, Ai điên ai tỉnh,...

Vở cải lương “Ai điên ai tỉnh” vào tháng 02/1975, dưới thời chế độ cũ, đã được báo giới Sài Gòn bình chọn là vở cải lương hay nhất ở miền Nam năm 1974.

Về vọng cổ, nhiều bản vọng cổ của ông được thính giả ưa chuộng như: Tình anh bán chiếu, Sầu vương ý nhạc, Võ Đông Sơ – Bạch Thu Hà, Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài, Tàn Quỳnh khóc bạn, Lá trầu xanh, Lòng dạ đàn bà, Lan và Diệp, Hàn Mặc Tử, Tâm sự Mai Đình, Tâm sự Mộng Cầm, Xuân đất khách, Tu là cội phúc, Gánh nước đêm trăng, Mồ em Phụng, Gánh bưởi Biên Hòa, Cô hàng chè tươi, Đêm khuya trông chồng, Mẹ dạy con, Phạm Lãi biệt Tây Thi, Phàn Lê Huê, Tự Đức khóc Bằng Phi, Bông ô môi, Ai ra xứ Huế, Đêm tàn Bến Ngự, Gió biển Hà Tiên, Đêm lạnh trong tù, Hán Đế biệt Chiêu Quân, Dương Quý Phi, Kiếp cầm ca, Đời vũ nữ, Lá bàng rơi, Biệt cố hương, Anh đi xa cách quê nghèo,...

Trong hai bản vọng cổ “Biệt cố hương” (1960) và “Anh đi xa cách quê nghèo” (1974) chứa đựng nỗi đau ly hương và nỗi nhớ quê nhà Trà Vinh của ông rất nhiều. Nỗi niềm, tâm sự của ông gần như in đậm trên từng thanh âm, làn nhạc.

Với Viễn Châu, không gian sáng tác bao trùm vẫn là thiên nhiên sông nước Nam bộ. Chiều sâu tác phẩm của ông cũng là chiều sâu tình cảm, tâm lý người Nam bộ. Tác phẩm của ông khi hòa trở lại với thiên nhiên sông nước Nam bộ, hòa tình cảm, tâm lý người Nam bộ tự nhiên có hồn và có hơi thở riêng của nó.

Dựa vào bề dày sáng tác và biểu diễn, có thể coi Viễn Châu là một trong những ngôi sao sáng của bầu trời sân khấu Nam bộ nửa sau thế kỷ 20. Những đóng góp của ông trong lĩnh vực nghệ thuật nước nhà rất đáng kể và đã góp phần không ít trong việc phát huy, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

## 27. Hoàng Quốc Việt (1905-1992)

Là một chính khách Việt Nam. Ông sinh tại Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (ngày nay là phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh). Năm 1930, ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. Năm 1937, ông được cử làm Bí thư Xứ ủy Bắc kỳ. Năm 1941, ông tham dự Hội nghị VIII Ban Chấp hành Trung ương



Đảng do Hồ Chí Minh chủ trì, được cử vào Ban Chấp hành Trung ương và được bầu làm Ủy viên Thường vụ Trung ương. Năm 1951, tại Đại hội II Đảng Cộng sản Việt Nam ông lại được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, Trưởng ban Dân vận-Mặt trận và giữ cương vị Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam. Năm 1960, ông được bầu làm Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, tham gia Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội trưởng Hội Hữu nghị Việt - Trung. Tháng 12/1976, trong Đại hội IV Đảng Cộng sản Việt Nam, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Ông tiếp tục giữ nhiều chức vụ: Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1977), Chủ tịch danh dự Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1983), Đại biểu Quốc hội từ khóa V- đến khóa VIII.

## **28. Đoàn Công Chánh (1952-1974)**

Đoàn Công Chánh thường gọi là Bảy Chánh, biệt danh đồng đội đặt cho là Bảy Đầu Thép, anh sinh năm 1952, tại ấp Phú Mỹ, xã Thanh Mỹ (nay là ấp Ô Dài, xã Mỹ Chánh) huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Tháng 4/1967, khi Huyện đội Châu Thành đóng quân ở chùa Sam Ron Thôm ấp Phú Mỹ, Đoàn Công Chánh tìm đến đăng ký nhập ngũ và được chấp thuận. Sau đó anh được cấp trên đưa về Đại đội C67 rồi về bổ sung cho Đại đội Đặc công 513 của tỉnh.

Từ khi vào bộ đội trở thành người chiến sĩ Đoàn Công Chánh đã thể hiện được phẩm chất, khí phách của anh Bộ đội Cụ Hồ. Anh vừa chiến đấu dũng cảm, mưu trí, vừa nỗ lực học tập về quân sự chính trị nên được cấp trên tin nhiệm tin yêu, đồng đội quý mến, cảm phục.

Đầu năm 1969, khi đơn vị của Đoàn Công Chánh đang đóng quân ở địa bàn Phương Thạnh, Càng Long thì địch bất ngờ cho máy bay ném bom làm anh bị thương ở lưng phải điều trị 6 tháng. Sau khi vết thương lành hẳn anh được lãnh đạo cho đi học lớp y tá, học xong trở lại đơn vị tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ.

Sang năm 1970, Đoàn Công Chánh là trung đội trưởng của đại đội, một cán bộ chỉ huy linh hoạt, khi tiến công thì mãnh liệt chớp nhoáng, lúc bám trụ thì gan góc kiên cường, vì vậy anh có biệt danh Bảy Đầu Thép.

Đầu năm 1972, Tỉnh ủy và ban chỉ huy quân sự tỉnh chủ trương tập trung tấn công địch bằng 03 mũi, phá rã, phá lòng kim kẹp của địch; mở rộng vùng giải phóng góp phần tạo thế cho chiến trường toàn miền giành thắng lợi. Thực hiện chủ trương đó, ngày 13/4/1972 Đại đội Đặc công 513 nhận nhiệm vụ đánh căn cứ pháo binh thuộc chi khu Tiểu Cần do một đại đội bảo an, một trung đội dân vệ và lính bình định chốt giữ. Đây là nơi địch bố phòng chặt chẽ bởi hàng rào kẽm gai, mìn và lính tuần tra cẩn mật. Trong trận này Đại đội Đặc công 513 do Đoàn Công Chánh chỉ huy mũi xung yếu cùng lực lượng của huyện Tiểu Cần đồng loạt nổ súng tấn công địch vào đêm 14/4/1972. Ta pháo kích vào chi khu đồng thời tập kích trận địa pháo và hậu cứ đơn vị bảo an 139, tiêu diệt 02 đồn, loại khỏi vòng chiến đấu 01 đại đội địch, phá hủy 02 khẩu pháo 105 ly và trên 10 tấn thuốc nổ cùng nhiều đạn pháo. Riêng mũi của Đoàn Công Chánh, khi trận đánh sắp nổ ra thì tình thế thay đổi so với dự kiến, địch cho đốt cỏ và rào thêm hàng rào kẽm gai bảo vệ. Thế nhưng đơn vị vẫn nổ súng tấn công. Trong đó địch hoảng loạn Đoàn Công

Chánh nhanh chóng dẫn mũi vào chiếm lô cốt đầu cầu. Khi mở cửa, anh trúng đạn bị thương ở đùi những vẫn nén đau cùng hai mũi khác thọc sâu vào ăn cứ phá hủy 02 khẩu pháo, 09 xe quân sự tiêu diệt cơ quan đầu não của chúng.

Đầu năm 1973, Đoàn Công Chánh được đề bạt lên làm Đại đội phó Đại đội Đặc công 513.

Tháng 4/1973, đơn vị của Đoàn Công Chánh nhận nhiệm vụ kết hợp cùng du kích xã tiêu diệt đồn Gò Cát xã Huyền Hội, huyện Càng Long. Sau 21 phút chiến đấu anh dũng, mưu trí anh đã xuất sắc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chiếm xong đồn lực lượng ta ém quân chặn đánh số còn lại trên đường trở về. Kết quả tiêu diệt được 17 tên trong đó có tên trưởng đồn, bắt sống 02 tên, thu 01 trung liên, 07 súng AR15, 02 súng XM79, 04 mìn Clâymo, 01 máy PRC25 và trên 5.000 viên đạn.

Phát huy thắng lợi sau đó đơn vị đánh tiếp đồn Vàm Bắc Trang, xã An Quảng Hữu, Trà Cú. Nhưng lần này khi lực lượng ta vừa vào được vòng rào kẽm gai thứ nhất thì địch phát hiện và nổ súng vào đội hình, anh ra lệnh cho mọi người nằm im chờ thời cơ. Sau một thời gian tưới hỏa lực không thấy ta phản kích lại, địch chủ quan. Chớp thời cơ Đoàn Công Chánh ra lệnh xông lên và ta đã nhanh chóng tiêu diệt được đồn.

Tháng 3/1973, đại đội của anh được lệnh kết hợp với trường đặc công và trinh sát của tỉnh tập kích vào tề xã Phong Phú, quận Cầu Kè. Hai tháng trước đó Đoàn Công Chánh đã vinh dự được kết nạp và Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tình đội giao nhiệm vụ cho đại đội nghiên cứu mục tiêu và giữ vai trò chủ công trận đánh. Tề xã Phong Phú là cứ điểm được bố phòng cẩn mật, có trên 40 tên gồm cảnh sát, bảo an, dân vệ lại nằm sát đường giao thông. Vào trận địch chống trả dữ dội làm đồng chí đại đội trưởng bị thương, các mũi không tiến lên được, anh dũng cảm, mưu trí lợi dụng địa hình nhanh chóng đưa bộc phá mở được được cửa và dẫn đầu đơn vị xung phong đánh vào điểm trọng yếu của địch. Còn khoảng 5 phút trận đánh thắng lợi thì anh bị trúng đạn hy sinh, lúc đó là 01 giờ 30 phút ngày 19/03/1984.

Đoàn Công Chánh đã anh dũng ngã xuống trong sự tiếc thương của mọi người. Đồng chí đồng đội đã đưa anh về an nghỉ tại Te Te – Hùng Hòa. Sau ngày đất nước thống nhất hài cốt anh được quy tập về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh.

Với thành tích xuất sắc đã tham gia chiến đấu 75 trận, tiêu diệt 26 đồn bót và gần 500 tên địch, Đoàn Công Chánh đã được tặng thưởng: 01 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 01 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 01 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 04 bằng khen.

Ngày 06/11/1978, anh được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

## **29. Phạm Hùng (1912-1988)**

Tên thật là Phạm Văn Thiện, quê ở xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1930, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1945, ông được bầu làm Bí thư Xứ uỷ lâm thời Nam Bộ. Từ 1956 - 1975, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng: Bí thư Trung ương Đảng, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Bí thư Trung ương

Cục Miền Nam. Từ 1976 - 1987, ông giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chủ tịch hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

### **30. Hồ Đức Thắng (1922-2007)**

Tên thật là Hồ Bá Thọ, ông sớm giác ngộ cách mạng, năm 1940 tham gia cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ cướp chính quyền tại huyện Vũng Liêm. Tháng 12/1940, Hồ Đức Thắng bị bọn lính kín về tận nhà vây bắt để khai thác. Trước mọi thủ đoạn dã man của kẻ địch, Ông kiên quyết không khai báo, giữ trọn lòng trung trinh với cách mạng đúng như những gì ông đã hứa khi tổ chức phân công công tác.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Đức Thắng là Đoàn trưởng Đoàn thanh niên cứu quốc.

Tháng 6/1946 Hồ Đức Thắng chính thức được kết nạp Đảng.

Thời gian này, ở vùng biển Trà Vinh, khu ủy khu Tây Nam bộ chỉ đạo Tỉnh ủy Trà Vinh tuyển chọn số cán bộ, chiến sĩ giỏi nghề sông nước từ các tỉnh về thành lập Chi đội 14 Bộ đội hàng hải (một trong những đơn vị tiền thân của Hải quân nhân dân Việt Nam ngày nay). Nhiệm vụ chở gạo ra Miền Trung, miền Bắc cứu đói và vận chuyển vũ khí về Miền Nam phục vụ nhu cầu kháng chiến. đợt tuyển quân đầu tiên Quới Thiện có 8 thanh niên trúng tuyển nhưng đến ngày lên đường thì đồng chí Bảy Inh chưa thể đi vì ngày cưới đã cận kề. đồng chí Hồ Đức Thắng xin phép Chi bộ và Ủy Ban hành chánh xã cho mình đi thế với cái tên Nguyễn Văn Inh.

Chi đội 14 Bộ đội hàng hải Nam Bộ đóng quân tại các xã ven biển Trà Vinh. Trong thời gian này Hồ Đức Thắng kết hôn với chị Nguyễn Thị Ba, một cán bộ Đoàn phụ nữ cứu quốc xã Hiệp Thạnh. Cũng từ đó Còn Ngao- Hiệp Thạnh trở thành quê hương thứ 2 của Hồ Đức Thắng.

Tháng 4/1947 được giao nhiệm vụ thuyền trưởng cùng 12 thủy thủ tàu chở tài liệu, thuốc men, gạo ra Miền Trung. Khi thuyền đến vùng biển Nha Trang bị địch phát hiện. Biết không thể thoát Hồ Đức Thắng ra lệnh hủy tàu 13 cán bộ chiến sỹ đều bị bắt. Như đã hội ý trước, thuyền trưởng là người trả lời thẩm vấn còn lại 12 người trong đoàn với vai trò làm thuê nên được thả tự do. Hồ Đức Thắng bị giam giữ tại nhà tù Cát Lái và trong một lần đi lao động ông và một người bạn tù chém chết viên giám thị, vượt ngục ra chiến khu Rừng Sác tìm cách trở về đơn vị.

Tháng 3/1950 Hồ Đức Thắng được đề bạt cán bộ đại đội bậc phó và được bổ sung vào cấp ủy Chi bộ 14 Bộ đội Hàng hải Nam bộ.

Tháng 7/1952 Hồ Đức Thắng được phân công phụ trách xã đội trưởng xã Hiệp Thạnh. Sau hiệp định Geneve Hồ Đức Thắng được phân công ở lại Miền Nam. Cũng từ đây tên tuổi của đồng chí bị đưa vào danh sách tập nã. Để bảo toàn lực lượng ông được điều về Quới thiện công tác. Trong một lần bí mật về thăm gia đình ông bị địch phục kích bắt và giam ở khám lớn Trà Vinh.

Tháng 9/1959 Hồ Đức Thắng ra tù và trở về Hiệp Thạnh hợp pháp làm ăn sinh sống. Trong thời gian này Hồ Đức Thắng được Chi bộ phân công phụ trách công tác quân sự và trong cuộc Đồng khởi Đồng chí đã lãnh đạo tiêu diệt dân quân cùng dân quân

Hiệp Thạnh bao vây Trung đội dân vệ địch trong đồn tề xã 2 ngày liền và buộc chúng ra hàng lúc 15 giờ ngày 15/9/1960. Hiệp Thạnh trở thành xã đầu tiên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tự lực giải phóng hoàn toàn.

Đầu năm 1961, Hồ Đức Thắng được Huyện ủy chỉ định làm Bí thư Chi bộ kiêm xã đội trưởng xã Hiệp Thạnh.

Trong thời gian này Bộ chính trị và Quân ủy Trung ương họp và đi đến thống nhất mở đường vận chuyển trên biển vào thẳng Nam bộ. Để thực hiện các tỉnh Nam bộ cử một tàu ra Bắc vừa thăm dò cách bố trí của địch vừa mở đường vận chuyển vũ khí về Nam. Trên tinh thần đó Tỉnh ủy cử một chuyến tàu lên đường ra Bắc là chiếc tàu gỗ chạy buồm với chiếc la bàn cũ kỹ. Thủy thủ gồm 06 người, trong đó có 03 đảng viên hình thành một Chi bộ do Hai Pháp (Huyện ủy viên Trà Cú) làm Bí thư, Bảy Inh (Hồ Đức Thắng Bí thư Chi bộ Hiệp Thạnh) làm thuyền trưởng.

Trước nhiệm vụ thiêng liêng và đầy nguy hiểm có thể hy sinh bất cứ lúc nào nhưng anh em trong đoàn hào hứng trước sự tin nhiệm của Tỉnh ủy nên đã cùng nhau đặt tên theo bí danh khẩu hiệu **ĐOÀN KẾT ĐÁU TRANH THẮNG LỢI**. Cái tên Hồ Đức Thắng có từ lúc đó và đến khi ông thở hơi thở cuối cùng cũng như chính thức đi vào lịch sử truyền thống Hải quân Việt Nam và lịch sử truyền thống tỉnh Trà Vinh.

Ngày 25/8/1961 tàu Trà Vinh nhỏ neo lên đường ra Bắc, sau 10 ngày lên đênh trên biển bị bão đánh dạt vào Macao rồi được đưa về lãnh sự quán Việt Nam tại Trung Quốc và được phía bạn đưa về Việt Nam bằng đường bộ.

Tại Hà Nội đoàn được Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Trưởng ban thống nhất Phạm Hùng... và đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm, nghe đoàn báo cáo tình hình kháng chiến ở Miền Nam, tình hình bố phòng trên biển Đông sau đó các đồng chí trong đoàn được đưa về Đồ Sơn tham gia các khóa học văn hóa, chính trị, kỹ thuật hàng hải, chuẩn bị cho nhiệm vụ trọng đại sắp tới.

Đầu năm 1962, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định đưa những chuyến hàng đầu tiên bằng đường biển vào Miền Nam. Hồ Đức Thắng cùng thủy thủ đoàn Trà Vinh được biên chế vào đoàn 759 và là Chính trị viên, Bí thư chi bộ kiêm thuyền trưởng tàu có bí số 55.

Năm 1966 Ông được đề bạt Chính trị viên Đoàn 125 thuộc Bộ tư lệnh Hải quân Việt Nam.

Trong thời gian từ năm 1962-1966 con tàu 55 do Hồ Đức Thắng chỉ huy đã vận chuyển an toàn về Miền Nam được 16 chuyến với hơn 1000 tấn vũ khí và 02 lần cập bến Côn Tàu, Duyên Hải.

Ngày 01/01/1965 Hồ Đức Thắng được Đảng và Nhà nước tuyên dương anh hùng quân đội. Ngày 01/7/1967 đơn vị tàu 55 và Đoàn 125 vinh dự được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Tàu 55 nhận nhiệm vụ đưa các chiến sĩ Hải quân Việt Nam ra tiếp quản quần đảo Trường Sa, đảm bảo chiến thắng cuối cùng thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.

Sau ngày giải phóng Hồ Đức Thắng được giao trọng trách Phó Chính ủy Hải quân công xưởng Nhà Bè, thuộc Bộ tư lệnh Hải quân Việt Nam cho đến khi nghỉ hưu năm 1980.

Từ khi nghỉ hưu cho đến khi từ trần, Anh hùng Hồ Đức Thắng về sinh sống tại vùng quê biển Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

### **31. Nguyễn Viết Xuân (1933 -1964)**

Là Anh hùng LLVT Nhân dân, được biết đến nhiều qua khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù! Bắn!" trong Chiến tranh Việt Nam. Ông sinh tại xóm Thượng, xã Ngũ Kiên, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 1952, ông gia nhập Quân đội Nhân dân Việt Nam. Năm 1955, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 11 năm 1964, trong trận chiến với Không quân Hoa Kỳ tại phía tây tỉnh Quảng Bình, ông bị máy bay bắn bị thương nặng nhưng vẫn tiếp tục chiến đấu. Trong đời binh nghiệp, ông từng làm trinh sát thuộc Đại đội 3 Đoàn 99, kế đó là Tiểu đội trưởng trinh sát, Trung đội trưởng pháo cao xạ, rồi Chính trị viên phó đại đội pháo cao xạ. Khi từ trần, ông mang quân hàm Thiêu úy, Chính trị viên Đại đội 3, Tiểu đoàn 14 pháo cao xạ, Sư đoàn 325, Quân khu 4. Được truy tặng Anh hùng LLVT nhân dân

### **32. Lê Văn Vĩnh (1926-2008)**

Lê Văn Vĩnh, còn có tên là Phạm Hữu Nghĩa, sinh năm 1926, tại làng Hòa Thịnh, tổng Tuân Giáo, huyện Cầu Kè, tỉnh Cần Thơ., nay thuộc xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh.

Năm 1945, khi cuộc khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám nổ ra, Lê Văn Vĩnh hăng hái tham gia tổ chức Thanh niên Tiền phong làm nòng cốt cho phong trào quần chúng nhân dân nổi dậy, dưới sự lãnh đạo của Quận ủy Cầu Kè, giành chính quyền về tay nhân dân. Sau đó, khi thực dân pháp tái xâm lược miền Nam nước ta, cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ bắt đầu cũng là thời điểm Lê Văn Vĩnh chính thức tham gia lực lượng vũ trang cách mạng. Cuối năm 1949, đồng chí Lê Văn Vĩnh cùng tiểu đội dân quân Hòa Ân được giao nhiệm vụ phối thuộc dẫn đường cho Tiểu đoàn chủ lực 308, thuộc Liên Trung đoàn 109 – 111 trong chiến dịch Bắcsama – Cầu kè. Sau chiến dịch này, đồng chí Lê Văn Vĩnh tình nguyện tham gia bộ đội, cùng Tiểu đoàn 308 cùng bộ đội chủ lực chiến đấu, lập nên nhiều chiến công khắp các tỉnh miền sông nước Cửu Long, góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong chiến đấu, đồng chí Lê Văn Vĩnh được kết nạp vào Đảng và được đề bạt là cán bộ Trung đội bậc phó.

Năm 1954, khi lên đường tập kết ra miền Bắc, Lê Văn Vĩnh là cán bộ trung đội trưởng trong biên chế Sư đoàn bộ binh miền Nam đóng tại Thanh Hóa. Tại đây, như nhiều chiến sĩ trẻ khác trong đơn vị, Lê Văn Vĩnh được Đảng và Nhà nước ưu tiên cho đi học bổ túc văn hóa, học chính trị, rồi đưa sang Trung Quốc học trường Võ bị chuyên ngành Tình báo quân sự, để trở thành sĩ quan thế hệ trẻ đầu tiên sau ngày hòa bình lập lại tại miền Bắc.

Trong thời gian Lê Văn Vĩnh học chuyên ngành tình báo quân sự thì tại miền Nam, kẻ thù đã trở mặt phản bội, hung hăng tiến hành cuộc chiến tranh, chà đạp lên

nguyện vọng hòa bình của nhân dân ta. Cuộc Đồng khởi 1960 nổ ra, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân nhân miền Nam chính thức bắt đầu và ngày càng mở rộng. Nhiều đoàn sĩ quan, cán bộ lực lượng vũ trang gốc miền Nam tại miền Bắc lần lượt được bí mật đưa trở lại chiến trường theo đường Trường Sơn. Lê Văn Vĩnh nhiều lần làm đơn tình nguyện và đến cuối năm 1961, anh được lệnh lên đường về Nam chiến đấu.

Nguyện vọng được về lại chiến đấu tại vùng sông nước miền Tây Nam bộ nhưng do yêu cầu của chiến trường, Lê Văn Vĩnh được phân công về công tác tại Ban Quân sự Trung ương cục miền Nam. Đến cuối năm 1962, đồng chí Lê Văn Vĩnh được phân công về nhận công tác xây dựng Đội 36 Tỉnh báo giao thông thuộc Bộ Tham mưu Quân khu miền Đông Nam bộ với bí danh Phạm Hữu Nghĩa. Trong khi đó, tại quê nhà Cầu Kè, thân nhân gia tộc nhận được hung tin báo tử của đồng chí Lê Văn Vĩnh sau thời gian dài bất tin tức từ năm 1954.

Nhiệm vụ chính của Đội 36 Tỉnh báo giao thông là nắm vững tình hình hoạt động của địch để trực tiếp xây dựng, vận hành đường giao thông công khai lẫn bí mật từ căn cứ Trung ương cục vào nội ô Sài Gòn, phục vụ các đồng chí lãnh đạo cấp cao nhất ra vào công tác.

Từ năm 1962 cho đến ngày giải phóng, Đội 36 Tỉnh báo giao thông do đồng chí Phạm Hữu Nghĩa chỉ huy luôn vận hành tốt, trực tiếp đưa đón, đảm bảo nơi ăn nghỉ an toàn cho nhiều lượt các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Trung ương cục miền Nam, Quân khu miền Đông Nam bộ, Đặc khu Sài Gòn – Gia Định ngay tại thủ đô của ngụy quyền Sài Gòn, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc.

Từ năm 1967, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa là Chỉ huy trưởng, đến năm 1971 lại kiêm luôn chính trị viên Đội 36 Tỉnh báo giao thông Quân khu VII.

Không chỉ làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ huy, vận hành Đội 36 Tỉnh báo giao thông, trong những năm 1962 – 1975, dưới những vỏ bọc hợp pháp tốt, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa nhiều lần trực tiếp đột nhập vào các cơ quan đầu não của địch, lấy được nhiều tài liệu quan trọng phục vụ cho Đặc khu ủy Sài Gòn – Gia Định, Quân khu VII và Trung ương cục miền Nam xây dựng chủ trương đối sách đánh địch. Điển hình là trận đồng chí giả danh sĩ quan liên lạc của Bộ Tổng tham mưu (ngụy) đến Tổng nha Cảnh sát lấy đi bản danh sách bọn điệp báo mà địch tổ chức cài cắm vào nội bộ năm 1964. Năm 1965, đồng chí trong vai trò một nhà báo quốc tế có mặt tại Bộ quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu (ngụy) cùng những cơ sở nội tuyến tại đây chuyển ra căn cứ những tài liệu quan trọng của việc chuyển hướng chiến lược sang chiến tranh Cục bộ và ý đồ của chúng huy động lực lượng lớn càng quét vào căn cứ Trung ương cục tại Rùm Đuôn – Xa mát... .

Năm 1967, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa và Đội 36 Tỉnh báo giao thông được lệnh tăng cường hoạt động ở mức cao nhất. Đồng chí và đơn vị đã đưa rước, bố trí chỗ ăn nghỉ an toàn cho nhiều đồng chí lãnh đạo như Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ, Trần Bạch Đằng, Trần Hải Phụng ... vào nội ô trực tiếp nghiên cứu, nắm bắt tình hình địch, phục vụ cho Trung ương cục miền Nam xây dựng các phương án tác chiến cho trận tập kích chiến lược.

Vào chiến dịch Mùa xuân 1975, song song với việc tổ chức thu thập nhiều tài liệu

quan trọng của kẻ địch, phục vụ cho lãnh đạo xây dựng các phương án tác chiến, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa cùng Đội 36 Tình báo giao thông được giao nhiệm vụ bí mật đưa rước, bố trí nơi ăn nghỉ cho Thượng tướng Trần Văn Trà và các tướng lĩnh chỉ huy Quân khu VII, Quân đoàn IV... nhiều lần vào Sài Gòn trực tiếp thị sát tình hình. Chiến dịch Hồ Chí Minh nổ ra sau khi mạng lưới trinh sát và giao thông tình báo trong chiến dịch, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa trực tiếp chỉ huy một tổ xung kích tổ chức đột nhập vào khu vực Bộ Tổng tham mưu vào lúc 9 giờ sáng ngày 30/4/1975. Khi các cách quân ta rầm rập tiến vào Sài Gòn, đồng chí đã mưu trí bắt giữ tên đại tá chỉ huy lực lượng phòng thủ khu vực Bộ Tổng tham mưu cùng hơn 30 tên sĩ quan khác, làm cho hệ thống phòng thủ của địch tại đây rơi vào tình trạng bị tê liệt, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị bạn tiến công, làm chủ hoàn toàn mục tiêu, tiến tới giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn mà không đổ máu.

Sau ngày giải phóng miền Nam, đồng chí Phạm Hữu Nghĩa trở về với cái tên Lê Văn Vĩnh. Đồng chí Lê Văn Vĩnh được quân đội phong quân hàm thiếu tá, tiếp tục giữ cương vị Chỉ huy trưởng kiêm Chính trị viên Đội 36 Tình báo giao thông Quân khu VII. Tại lễ mừng công và trao quân hàm, đồng chí Lê Văn Vĩnh cùng lúc nhận nhiều quân huy chương, danh hiệu mà trước đó vì lý do bí mật của công tác nên cấp trên không thể trao, bao gồm: 01 Huân chương quân công hạng I, 01 Huân chương chiến công hạng I, 03 Huân chương chiến công hạng III, 03 danh hiệu Dũng sĩ, 03 danh hiệu Chiến sĩ thi đua ...

Với những chiến công lừng lẫy và công lao đóng góp kiệt xuất cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, giải phóng dân tộc, ngày 6/11/1978, Đội 36 Tình báo thông Quân khu VII và Trung tá Lê Văn Vĩnh (tức Phạm Hữu Nghĩa) – Chỉ huy trưởng kiêm Chính trị viên Đội 36 Tình báo giao thông – được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Năm 1984, ở tuổi 58, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Thượng tá Lê Văn Vĩnh (tức Phạm Hữu Nghĩa) – trưởng phòng Tình báo quân sự thuộc Bộ Tham mưu Quân khu VII được Đảng, quân đội cho nghỉ hưu và sinh sống cùng gia đình tại TPHCM. Do tuổi cao sức yếu, ông mất năm 2008, hưởng thọ 82 tuổi

### **33. Lê Thanh Mừng (1944-1972)**

Lê Thanh Mừng, tên thường dùng là Sáu Trương, sinh năm 1944 tại làng Tân An, tổng bình Khánh Hạ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Cuộc Đồng khởi 14/9/1960 nổ ra. Tân An lại trở thành vùng giải phóng. Như bao trai tráng trong xóm ấp, dù chỉ mới vào tuổi mười sáu, Lê Thanh Mừng đã tham gia vào đơn vị du kích xã, đánh giặc giữ làng. Mang tất cả lòng nhiệt thành của tuổi mới lớn, cộng với lòng yêu nước nồng nàn và ý chí căm thù bọn tay sai bán nước, chiến sĩ du kích Lê Thanh Mừng xung phong đi đầu nhiều trận đánh, từ diệt ác ôn điệt báo, chống địch càn quét đến thiết lập vòng vây, khống chế bọn tề xã, bọn dân vệ. Song song đó, anh tích cực tham gia công tác vận động quần chúng tăng gia sản xuất, phòng gian bảo mật, đấu tranh chính trị với kẻ thù...

Tháng 5/1961, Lê Thanh Mừng được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Nhân dân

cách mạng miền Nam, nay là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Giữa năm 1962, Tỉnh đội Trà Vinh tuyển một số cán bộ, chiến sĩ du kích các xã được thử thách bản lĩnh qua thực tiễn chiến đấu để bổ sung cho đơn vị bộ đội Đặc công 513. Tháng 7/1962, Tiểu đội phó du kích Tân An Lê Thanh Mừng, sau một quá trình rèn luyện gian khổ, chính thức trở thành chiến sĩ Đại đội Đặc công tham gia nhiều trận đánh nổi tiếng như đánh đồn tề xã Ngũ Lạc, tề xã Long Toàn, đồn Bến Đáy (Mỹ Long)... trong mỗi trận đánh, anh đều tỏ ra dũng cảm, không ngần ngại nguy hiểm hy sinh, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Do vậy, đến đầu năm 1963, Lê Thanh Mừng được kết nạp vào Đảng và được đề bạt làm cán bộ tiểu đội thuộc Đại đội 513.

Tháng 5/1963, tiểu đội Đặc công do đồng chí Lê Thanh Mừng làm Tiểu đội trưởng được tăng cường phối hợp cùng Trung đội 507 địa phương quân Cầu Ngang đánh đồn Long Phi (xã Long Hữu). Trận này ta diệt tại chỗ hơn 30 tên, thu gần 30 khẩu súng và nhiều phương tiện chiến tranh khác.

Trong trận đánh tiêu diệt đồn Cái Già (xã Hiệp Mỹ), do một đại đội bảo an địch trú đóng. Tiểu đội trưởng Lê Thanh Mừng được tin nhiệm cao trong vai trò mũi trưởng mũi chủ yếu và anh cùng đồng đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ôm bộc phá luồn sâu vào đánh sập lô cốt trung tâm và tiêu diệt bộ phận chỉ huy của địch, tạo điều kiện cho bộ đội xung phong.

Những chiến công liên tiếp của Đại đội 513 nói chung và của đồng chí Lê Thanh Mừng nói riêng đã giáng một đòn chí tử vào lực lượng lẫn tinh thần của kẻ thù, nhất là đối với bọn bảo an, dân vệ bị đưa đi dờ dạn tại các đồn xa. Điều này đã mở ra điều kiện thuận lợi cho quân dân cả tỉnh đi vào trận phá ấp chiến lược, xây dựng ấp chiến đấu, mở rộng vùng giải phóng, góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh Đặc biệt của địch.

Cuối năm 1964, tại Đại hội mừng công của tỉnh, đồng chí Lê Thanh Mừng được bầu là Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, được tuyên dương danh hiệu Dũng sĩ diệt ngụy và sau đó được đề bạt làm Trung đội trưởng trung đội chủ công của Đại đội 513 bộ đội Đặc công tỉnh Trà Vinh.

Trong năm 1965, Trung đội trưởng Lê Thanh Mừng cùng Đại đội Đặc công 513 chiến đấu hàng chục trận lớn nhỏ chống càn quét, phục kích đánh giao thông, tiến công tiêu diệt đồn bót, hậu cứ địch... Điển hình trong số đó là những trận diệt đồn Long Khánh (Duyên Hải), diệt đồn phong Phú (Cầu Kè), diệt đồn Bến Đáy (Cầu Ngang) ... Ở trận đánh nào, Lê Thanh Mừng cũng đều nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm quên mình, góp phần xứng đáng vào chiến công chung của đơn vị.

Năm 1966, Lê Thanh Mừng được đề bạt làm Đại đội phó Đại đội 513 Đặc công tỉnh Trà Vinh. Anh là một trong những cán bộ chỉ huy đại đội có tuổi đời trẻ nhất nhưng lại có bề dày thành tích, bản lĩnh chiến đấu trong các đơn vị vũ trang cách mạng tỉnh Trà Vinh giai đoạn này.

Tháng 10/1966, Tỉnh đội Trà Vinh điều đơn vị Đặc công do đồng chí Lê Thanh Mừng chỉ huy về Càng Long phối hợp cùng Đại đội 509 địa phương quân Trà Vinh và trung đội Công binh Càng Long tổ chức trận địa đánh phục kích tiêu diệt tên Quận trưởng Trương Tài Ba ác ôn.



Giữa năm 1967, ở tuổi 23, đồng chí Lê Thanh Mừng được đề bạt vào nhiệm vụ Trợ lý Đặc công Tỉnh đội kiêm Đại đội trưởng, Bí thư Chi bộ Đại đội Đặc công 513. Nghĩa là ngoài việc trực tiếp chỉ huy Đại đội 513, Lê Thanh Mừng còn có nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, xây dựng, phát triển bộ phận Đặc công trong các đơn vị địa phương quân 501, 509 đến các Huyện, Thị đội.

Vào chiến dịch Tổng công kích – tổng khởi nghĩa Xuân Mậu Thân – 1968, đồng chí Lê Thanh Mừng trực tiếp chỉ huy Đại đội Đặc công 513 phối hợp cùng Đại đội Pháo binh 517 hình thành cánh quân ở mũi quan trọng, có nhiệm vụ đánh chiếm Sân bay, Hậu cứ Trung đoàn 14 Sư đoàn bộ binh chủ lực số 9 của ngụy. Trong chiến dịch Xuân Mậu thân, Đại đội trưởng Lê Thanh Mừng bị thương và được đơn vị cho về quê vợ Trà Ôn tĩnh dưỡng. Sau đó, anh tiếp tục cùng đơn vị chiến đấu và hỗ trợ cho dân các huyện Trà Ôn, Vũng Liêm chiến đấu chống lại những cuộc hành quân phản kích, lấn chiếm liên miên của địch. Đầu năm 1970, khi Khu ủy Khu Tây Nam bộ quyết định tách hai huyện này ra khỏi tỉnh Trà Vinh, nhập về tỉnh Vĩnh Long, thì bộ phận Đặc công cùng đồng chí chỉ huy Lê Thanh Mừng cũng được cấp trên điều về làm nòng cốt để xây dựng và phát triển đơn vị Đặc công tỉnh Vĩnh Long.

Tháng 5/1972, đồng chí Lê Thanh Mừng chỉ huy Đại đội Đặc công tỉnh Vĩnh Long tổ chức trận địa đánh chặn viện trên quốc lộ 4 (nay là quốc lộ 1) tại Lộc Hòa (Long Hồ). Như thường lệ, ở mũi chính diện Đại đội trưởng Lê Thanh Mừng cùng một tiểu đội điếm hỏa nổ mìn, diệt một trung đội địch và chặn không cho đoàn xe địch phát triển. Cùng lúc đó, bộ phận khóa đuôi chiếm lĩnh trận địa, không cho địch có đường thoát lui và buộc chúng phải dồn lại đưa lưng cho ta tiêu diệt. Rơi vào tình thế không còn đường thoát, Tiểu đoàn 475 bảo an tiểu khu Vĩnh Long chống trả quyết liệt. Đồng chí Lê Thanh Mừng bị thương nhưng vẫn cương quyết bám trận địa chỉ huy đơn vị. Khi bộ đội ta tiêu diệt hoàn toàn Tiểu đoàn bảo an 475 thì Đại đội trưởng Lê Thanh Mừng đã hy sinh bên cạnh các đồng đội, đồng chí của mình.

Với những chiến công lừng lẫy cũng như những cống hiến xuất sắc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 06/11/1978, đồng chí Lê Thanh Mừng đã được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam Tôn Đức Thắng ký quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

### **34. Lâm Phái (1909 - ?)**

Tên chính của ông là Lâm Thái. Do quý tên hiệu vua Thành Thái, gia đình đã lo lót với chánh lục bộ, đổi tên khai sinh lại là Lâm Phái cho tiện việc học.

Thuở nhỏ, ở Trà Vinh ông học trường Tiểu học Nguyễn Văn Chương. Sau lên Sài Gòn học ở Gia Long học đường (trường Trung học tư thực, đối diện công viên Tao Đàn hiện nay).

Sớm có tinh thần yêu nước, lên Sài Gòn ông đã tham gia vào các phong trào học sinh chống Pháp. Ngày 24/3/1926 cụ Phan Châu Trinh mất, ông Lâm Phái đã lãnh đạo học sinh phá công trường ra tham gia biểu tình, để tang cụ Phan Châu Trinh. Do hành động này ông đã bị đuổi học.

Vài năm sau (1929), gia đình lo thủ tục cho ông sang Pháp du học. Năm 1945,

cách mạng tháng Tám thành công, Trà Vinh cướp chính quyền, ông Lâm Phái tham gia Thanh niên tiên phong, sau đó được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Trà Vinh (Chủ tịch là Nguyễn Văn Trí).

Ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương ngày 04/4/1946.

Năm 1948, do yêu cầu công tác, Đảng điều đồng chí Lâm Phái sang Cao Miên nhận nhiệm vụ Phó Chủ tịch Khu Tây Nam, Ủy viên Ban cán sự toàn quốc Campuchia rồi Phó Chủ tịch nước Campuchia (Chủ tịch nước là Sơn Ngọc Minh).

Đầu năm 1954, ông lãnh đạo một đoàn cán bộ cao cấp Campuchia gồm 16 người về Liên khu 5 học chỉnh huấn. Lúc này, để chuẩn bị dự Hội nghị Giơnevơ, Chính phủ lâm thời Campuchia được thành lập và đồng chí Lâm Phái lại được cử giữ chức Bộ trưởng Linh tế - Tài chánh. Tuy nhiên, sau đó do cần phải tổ chức Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia ra công khai, nên ông không đi dự Hội nghị.

Sau Hiệp định, đồng chí Lâm Phái được trên chỉ đạo tổ chức lực lượng cán bộ Khmer, tập kết ra Bắc. Năm 1958, khi công trường 900B dời ra Phú Thọ, đồng chí Lâm Phái chuyển sang công tác ở Ban liên lạc đối ngoại Trung ương. Từ năm 1959 đến khi nghỉ hưu (1975) ông là Phó Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc của Hội đồng Chính phủ đồng thời là Ủy viên Ban dân tộc của Trung ương Đảng.

Ông là Đại biểu Quốc hội các khóa III, IV, V đơn vị tỉnh Lào Cai.

Trong quá trình hoạt động Cách mạng, ông đã được tặng nhiều Huân, Huy chương cao quý. Từng đảm nhận và hoàn thành nhiều nhiệm vụ quan trọng trong Chính phủ Việt Nam và Campuchia, đồng chí Lâm Phái thực sự là một Đảng viên ưu tú góp phần rất lớn trong công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và trong sự nghiệp giải phóng đất nước.

### **35. Nguyễn Thị Ráo (Ba Thi) (1922-2002)**

Bà Nguyễn Thị Ráo, tên thường dùng là Chín Ráo, bí danh là Ba Thi, sinh ngày 11/8/1922, tại làng Long Thạnh, tổng Bình Khánh Thượng, quận Càng Long nay là xã Nhị Long Truyền thống bất khuất của gia đình đã ảnh hưởng sâu đậm đến suy nghĩ, tình cảm của bà Nguyễn Thị Ráo. Năm 1940, lúc chưa tròn 18 tuổi, bà được Chi bộ xã giác ngộ rồi giao nhiệm vụ liên lạc giữa các xã Nhị Long, An Trường, Mỹ Trường trong vai cô hàng xáo (mua bán gạo) trẻ trung vui tính. Sự năng nổ, tháo vác và mưu trí của cô giao liên trẻ đã tạo được niềm tin ở Chi bộ. năm 1943, bà được giao thêm nhiệm vụ Tổ Trưởng Nông Hội đỏ xã.

Chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám, bà được Huyện ủy Càng Long tin tưởng giao nhiệm vụ vận động quần chúng thị trấn và các vùng phụ cận tích cực nổi dậy. Cùng với các lực lượng quần chúng khác, phụ nữ Càng Long đã góp phần xứng đáng vào thành công chung. Khi chính quyền về tay nhân dân, ngày 20/9/1945 bà vinh dự được đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại Hội nghị Phụ nữ toàn huyện, bà được chị em tín nhiệm bầu vào cương vị Hội trưởng Hội Phụ nữ Cứu quốc huyện Càng Long, đồng thời còn là Ủy viên của huyện bộ Việt Minh.

Năm 1946, đáp ứng yêu cầu của công cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân

Pháp, Huyện ủy Càng Long được củng cố lại. Đồng chí Chín Ráo được đề bạt Huyện ủy viên, phụ trách công tác dân vận kiêm Bí thư Đảng Đoàn Hội Phụ nữ cứu quốc huyện.

Năm 1948, đồng chí Nguyễn Thị Ráo được rút về làm Phó Hội Trưởng rồi Hội trưởng kiêm Bí thư Đảng Đoàn Hội Phụ nữ Cứu quốc tỉnh Trà Vinh.

Năm sau, tỉnh Vĩnh Trà được thành lập từ sự sáp nhập hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, đồng chí Chín Ráo được cử đi học lớp Trường Chinh khóa III, tại miền Đông Nam Bộ. Tại đây, năm 1953, bà lập gia đình với đồng chí Nguyễn Trọng Tuyển- Tỉnh Ủy viên phụ trách tuyên huấn tỉnh Gia Định. Từ đây bà có bí danh Ba Thi (Thi Tuyển). Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, đồng chí Nguyễn Thị Ráo được Đảng phân công ở lại miền Nam, tiếp tục bám địa bàn Sài Gòn – Gia Định vận động quần chúng kiên quyết đấu tranh đòi địch nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định, chuẩn bị Hiệp thương thống nhất đất nước. Khi địch trở mặt, khủng bố gắt gao các lực lượng cách mạng, đồng chí Ba Thi vẫn kiên cường đứng vững giữa nội thành trong sự thương yêu, che chở của quần chúng. Trong giai đoạn này, bà đảm nhiệm nhiều cương vị khác như Phó Ban Phụ Vận Sài Gòn – Gia Định ; Quyền Bí thư Quận ủy Quận Ba, Ủy viên Ban Cán sự Cảnh I phụ trách Tuyên huấn các Quận Gò Vấp, Bình Hòa, Quận Nhì, Quận Ba, Phú Nhuận. Đặc biệt, giữa năm 1959, đồng chí Nguyễn Trọng Tuyển (khi ấy là Bí thư Tỉnh ủy Gia Định – Ninh) hy sinh như một tin sét đánh, nhưng đồng chí Nguyễn Thị Ráo vẫn kiên cường vượt lên nỗi đau mất mát, phấn đấu công hiến nhiều hơn nữa cho cách mạng với không chỉ phần mình mà còn cho phần người đã khuất.

Năm 1961, đồng chí Ba Thi được bầu vào Ban Chấp Hành Hội Phụ Nữ Giải Phóng Sài Gòn – Gia Định. Năm 1964, Tại Đại Hội Phụ Nữ toàn miền, bà được bầu vào ban Chấp hành Trung ương Hội Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam và được Ban Chấp hành cử vào Ban Thường Trực Trung ương hội. Từ đó đến ngày đất nước được giải phóng, đồng chí Ba Thi có nhiều đóng góp quan trọng trong sự nghiệp vận động phụ nữ miền Nam đấu tranh thống nhất Tổ quốc.

Tháng 3/1969, đồng chí Nguyễn Thị Ráo tham gia đoàn đại biểu Mặt trận Dân Tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc. Đây là đại biểu phụ nữ duy nhất của đoàn. Ngày 5/3/1969 trở thành ngày trọng đại, khó có thể quên được trong cuộc đời bà - được gặp Bác Hồ và được ngồi bên Bác, báo cáo với Bác về những phong trào đấu tranh kiên cường, bất khuất của phụ nữ Việt nam.

Sau ngày 30/4/1975, đồng chí Nguyễn Thị Ráo tiếp tục công tác tại Trung ương hội phụ nữ rồi sau đó được điều về làm Phó Giám đốc Sở Lương thực thành phố Hồ Chí Minh Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa IV) ra đời đã mở ra một hướng đi mới trong lĩnh vực lưu thông phân phối. Vận dụng Nghị quyết này vào thực tiễn, Thành ủy và UBND thành phố Hồ Chí Minh quyết định thành lập Công ty Kinh doanh Lương thực thành phố. Đồng chí Ba Thi được bổ nhiệm làm Giám đốc vào tháng 7/1980 Công ty đã đảm bảo mua gạo tận gốc và bán đến tận tay người tiêu dùng, nhanh chóng làm chủ và bình ổn thị trường lương thực ở thành phố Hồ Chí Minh. Gần 4 triệu người dân thành phố Hồ Chí Minh tuy chưa thật đầy đủ nhưng đã được đảm bảo cung cấp lương thực ở mức có thể chấp nhận được. Công ty Kinh doanh Lương thực thành phố Hồ Chí Minh và Giám đốc Ba Thi được xem là một mô hình kinh doanh năng

động, hiệu quả trong cơ chế cũ và là một trong những điển hình có giá trị giúp Đảng và Nhà nước nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong việc đổi mới cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Về vấn đề này, đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc ấy là bí thư Thành ủy TP.HCM viết: "Mô hình Công ty Kinh doanh do chị Ba Thi làm Giám đốc chính là một hình thức quản lý kinh doanh trong thời kỳ quá độ, là quá trình thực hiện kế hoạch hóa kết hợp với việc sử dụng thị trường và đấu tranh cải tạo để làm chủ thị trường, từng bước diu dắt tiểu thương buôn bán gạo đi vào quỹ đạo XHCN)" (Nguyễn Văn Linh - Lời giới thiệu sách: Một phương thức quản lý mới - Công ty chị Ba Thi . NXB TP.HCM-1984).

Chính do vậy , để ghi nhận sự đóng góp của nữ Giám đốc Ba Thi , năm 1983, hội đồng Nhà nước đã tặng thưởng bà huân chương Lao động hạng nhì. Tiếp đó, năm 1984 bà lại được tặng huân chương Lao động hạng nhất. Và năm sau, 1985, bà là một trong số không nhiều phụ nữ Việt Nam được tuyên dương Anh hùng Lao động.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI – năm 1986, với chủ trương đổi mới đất nước một cách toàn diện, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, giúp Công ty một động lực mới để phát triển mạnh mẽ. Hạt gạo Việt Nam đã không những đảm bảo được nhu cầu trong nước mà bắt đầu có lượng hàng hóa dôi ra ngày càng lớn. Một doanh nghiệp bắt tay vào lĩnh vực xuất khẩu gạo, trong đó Công ty của Ba Thi là đơn vị tiên phong.

### **36. Lê Văn Chũ (Năm Lôi) 1923 – 2011)**

Đồng chí Lê Văn Chũ, bí danh Năm Lôi, ông sinh năm 1923, tham gia cách mạng và nhập ngũ tháng 4/1943, là đảng viên chính thức vào tháng 7/1947, cấp hàm khi hưu trí Đại tá quân đội Nhân dân Việt Nam. Nguyên quán Ấp Cái Trầu, xã An Lạc Thôn, Huyện Kế Sách Tỉnh Sóc Trăng. Trú quán Phường 1, TX Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Đồng chí Lê Văn Chũ (Năm Lôi) đã trực tiếp chiến đấu và chỉ huy chiến đấu, trong từng thời kỳ với nhiều cương vị khác nhau. Thành tích của đồng chí Lê Văn Chũ thể hiện một số trận tiêu biểu, nổi bật đã góp phần lớn phong trào cách mạng của quân dân Miền Nam nói chung, của lực lượng vũ trang Trà Vinh nói riêng và cùng nhân dân cả nước giải phóng Miền Nam, thống nhất tổ quốc.

Ngay từ khi ông nhập ngũ năm 1943 làm tiểu đội trưởng, ông đã chỉ huy đánh trận đầu tiên giành thắng lợi, diệt một tên lính Pháp, thu một súng tiểu liên đây là trận thu súng đầu tiên của lực lượng vũ trang tỉnh Trà Vinh.

Năm 1946 đồng chí đã trực tiếp bắn rơi một chiếc máy bay đầu tiên ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tháng 01/1947 trong trận đánh Cỏ Cò huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang. Đồng chí Lê Văn Chũ một mình băng qua mưa đạn của địch leo lên xe tăng mở nắp ném lựu đạn tiêu diệt liên tục 02 xe bọc thép. Trong trận này ta diệt 14 xe quân sự, tiêu diệt 180 quân viễn chinh, thu trên 100 súng, đồng chí Lê Văn Chũ được Tổng bộ Việt Minh tặng huy hiệu "Tổ quốc ghi công" cho một người còn sống và phong vượt cấp từ Trung đội phó lên Đại đội phó rồi Đại đội trưởng.

Tháng 3/1947 đồng chí chỉ huy đánh liên tục ở 02 xã Bình Phú (Càng Long) và Giồng Ké (Vũng Liêm) diệt gọn 01 đại đội và 01 trung đội địch – Đây là trận đánh giết

gọn, được tỉnh và quân khu ra học tập rút kinh nghiệm.

Đầu năm 1948 với chiến thuật phục kích đồng chí đã chỉ huy đơn vị đánh đoàn tàu Công Gô chở thực phẩm. Địch tháo chạy, ta thu 9 tàu thực phẩm với hàng ngàn tấn góp phần cung cấp lương thực thực phẩm giải quyết phần lớn khó khăn cho hậu cần trong kháng chiến.

Cuối năm 1948 đại đội 993 do đồng chí trực tiếp chỉ huy đã tiêu diệt đồn La Bang thuộc xã Đôn Châu (Trà Cú) tạo điều kiện cho tiểu đoàn 307 đánh chi viện, lập chiến công vang dội cả nước.

Năm 1949 trận đánh đầu tiên của chiến dịch Cầu Kè, diệt đồn Chông Nô, tiếp đến là đồn Phong Phú, đồn Ô Đùng... của đại đội 937 do đồng chí chỉ huy đã góp phần quyết định thắng lợi chung cho toàn bộ chiến dịch. Đây là trận đánh ta tiêu diệt và bắt sống hơn 260 tên địch (có 60 lính Âu Phi), gần 200 súng các loại.

Trong chiến dịch Trà Vinh năm 1950, đơn vị đồng chí cũng là đơn vị chủ công đầu tiên tiêu diệt đồn Ba Cùm, mở màn cho chiến dịch giải phóng các xã vùng ruột Trà Cú. Mở rộng vùng căn cứ cách mạng của Trà Vinh.

Vào tháng 3/1951 với lực lượng địch gấp 10 lần, bằng trận chống càn của đại đội 937 do đồng chí chỉ huy đã giành thắng lợi.

Tháng 10 năm 1963 tiểu đoàn độc lập T70 do đồng chí chỉ huy, bí mật đưa lực lượng cơ sở vào vùng trắng “diệt ác, bắt tề xã” ngay trung tâm vùng 4 chiến thuật của địch ở Cờ Đỏ, Ô Môn, Cần Thơ.

Cuối tháng 10/1963 tiểu đoàn T70 tiêu diệt tiểu đoàn sĩ quan Mỹ tại trường Huấn luyện Cà Mau, bắt sống 3 tên lính Mỹ. Đây là trận bắt tù binh đầu tiên ở Miền Tây.

Cuối năm 1963 đơn vị đồng chí đánh chi Khu Bình Hưng nổi tiếng ác ôn tại Cà Mau của bọn “Tàu Phù”, bắt sống 36 tên thu toàn bộ vũ khí.

Từ năm 1968 đến tháng 12/1971 trở lại chiến trường Trà Vinh là Tỉnh ủy viên với cương vị Tỉnh đội trưởng, đã có lần 6 ngày liên tục đồng chí chỉ huy các đơn vị của tỉnh bẻ gãy trận càn quét của sư đoàn 9 bộ binh của Mỹ. Diệt 256 tên Mỹ, bắn rơi 15 máy bay, đánh chìm 6 tàu chiến. Đây là trận đánh trực tiếp với một lực lượng Mỹ đông nhất và cũng là đợt chiến đấu giành thắng lợi lớn sau tết Mậu Thân. Góp phần làm thất bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ trên chiến trường Miền Nam.

Từ tháng 12/1971 - 1975 đồng chí được phân công về Quân khu 9 làm hiệu trưởng trường Quân sự địa phương Quân khu 9, Bí thư Đảng ủy kiêm chính ủy nhà trường đã đào tạo huấn luyện cán bộ cấp xã đội trưởng cho chiến trường toàn Miền Tây.

Từ tháng 5/1975 - 1987, Đoàn trưởng Đoàn 75, Bí thư Đảng ủy – kiêm chính ủy Đoàn 75.

Từ năm 1978 đến 1983 đồng chí là sư đoàn phó Sư 868 Quân khu 9, Phó bí Thư Đảng ủy sư đoàn – cấp bậc thượng tá, đại tá. Đồng chí đã góp phần cùng bộ chỉ huy Sư đoàn đào tạo tân binh phục vụ cho chiến trường Tây Nam và công tác giúp bạn Campuchia.

Từ tháng 10/1983 đến 1992 đồng chí về hưu. Hoạt động tại Hội Cựu chiến binh tỉnh Cửu Long với nhiệm vụ phó chủ tịch rồi chủ tịch Hội cựu chiến binh tỉnh.

Từ năm 1992 chia tỉnh Cửu Long thành 02 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, đồng chí về Trà Vinh với tuổi già sức yếu nhưng vẫn thường xuyên tham gia sinh hoạt góp ý cho địa phương các vấn đề kinh tế xã hội. là gia đình luôn luôn gương mẫu chấp hành chính sách pháp luật Nhà nước; giáo dục con cháu giữ vững truyền thống gia đình tham gia xây dựng địa phương.